



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM



SẢN PHẨM 8

BÁO CÁO THỰC TRẠNG GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN

*(Thuộc nhiệm vụ: Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã
trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên,
mã số B2022 - VKG - 02.MT.TĐ)*



Chủ nhiệm: PGS.TS. Trần Huy Hoàng



HÀ NỘI - 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

SẢN PHẨM 8:

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG
GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ
Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN**

(Nhiệm vụ KHCVN Mã số: B2022.VKG.02.MT.TĐ)

Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Trần Huy Hoàng

- Hà Nội, 2024 -

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHẢO SÁT

1. Mục tiêu khảo sát

- Tìm hiểu về nhận thức về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông;
- Tìm hiểu về thực trạng triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.

2. Thời gian và địa điểm khảo sát

Thời gian khảo sát

Nhiệm vụ tiến hành khảo sát thực trạng trong tuần đầu tháng 10 năm 2022 trong 5/10 đến 8/10 (không kể thời gian đi lại).

Địa điểm khảo sát

Nhiệm vụ đã tiến hành lựa chọn khảo sát tại hai tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên là tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng. Với mỗi tỉnh sẽ lựa chọn 02 trường tiểu học, 02 trường THCS và 02 trường THPT tham gia khảo sát. Thông tin cụ thể về các cơ sở giáo dục được liệt kê trong bảng dưới đây:

Tỉnh	Cơ sở giáo dục
Đắk Lắk	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Buôn Ma Thuột
	Tiểu học Chu Văn An
	Tiểu học Trần Quốc Tuấn
	THCS Thị trấn Phước An
	THCS EA Yông
	THPT Lê Quý Đôn
	THPT Nguyễn Bình Khiêm
	THPT Nguyễn Công Trứ
Lâm Đồng	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Lạt
	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng
	Tiểu học Đoàn Thị Điểm
	Tiểu học Mê Linh
	THCS Quang Trung
	THCS Nguyễn Du
	THPT Trần Phú
	THCS&THPT Đổng Đa

3. Đối tượng và Phương pháp khảo sát

- Đối tượng tham gia khảo sát bao gồm: CBQL (Sở, phòng, trường), GV, HS trường TH, THCS, THPT khu vực Tây Nguyên; Các đơn vị liên ngành liên quan như: Sở Tài Nguyên Môi trường, phòng Tài nguyên Môi trường; cộng đồng (phụ huynh, các ban, ngành, đoàn thể tại cộng đồng...)
- Phương pháp khảo sát: Nhiệm vụ thiết kế bộ công cụ khảo sát bao gồm: (1) phiếu hỏi, (2) Phiếu tọa đàm, (3) Phiếu phỏng vấn sâu đối với CBQL, GV, HS, phụ huynh của trường TH, THCS, THPT khu vực Tây Nguyên và một số đơn vị ban, ngành, đoàn thể liên quan ở cộng đồng.

4. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát xoay quanh các vấn đề chính như sau:

- Thực trạng nhận thức và sự hiểu biết về bảo vệ ĐVHD của các bên liên quan;
- Thực trạng về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường;
- Thực trạng về mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD;
- Thực trạng về hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD của nhà trường, cộng đồng;
- Nhu cầu, mong đợi về hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của địa phương.

5. Phương pháp phân tích số liệu

Tất cả dữ liệu thu thập về được kiểm tra, sắp xếp, mã hóa và đặt tên lại các câu hỏi trùng nhau ở các đối tượng. Sau đó dữ liệu sẽ được gộp thành một file duy nhất để tiến hành các bước xử lý dữ liệu tiếp theo.

Phương pháp phân tích được sử dụng chủ yếu là:

- Thống kê mô tả nhằm đưa ra một bức tranh khái quát về thực trạng GD ĐVHD theo các đối tượng được hỏi và trường.

Tính phần trăm – đối với các câu hỏi có/không hoặc lựa chọn giữa 2 phương án; hoặc các câu hỏi đánh giá mức độ.

- Điểm trung bình – đối với các câu hỏi về mức độ theo thang 5 mức sẽ được gán điểm 1 đến điểm 5, sau đó tính điểm trung bình; điểm trung bình này giúp chúng tôi có cái nhìn khái quát nhất về xu hướng của dữ liệu. Khi đó ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng (Interval Scale) sẽ được xác định như sau:

$$\begin{aligned}\text{Giá trị khoảng cách} &= (\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n \\ &= (5-1) / 5 \\ &= 0.8\end{aligned}$$

Bảng giá trị trung bình và mức ý nghĩa được tính như sau:

Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1.00 - 1.80	Mức 1
1.81 - 2.60	Mức 2
2.61 - 3.40	Mức 3
3.40 - 4.20	Mức 4
4.21 – 5.00	Mức 5

Bảng quy ước thang đo được chỉ ra như sau:

Các câu hỏi có mức độ từ 1 đến 5 sẽ được gán điểm với từng mức của thang đo. Điểm trung bình của mỗi nội dung sẽ được xếp loại với từng mức, cụ thể:

Mức 1 <=1.8	Mức 2 1.81 – 2.6	Mức 3 2.61 – 3.4	Mức 4 3.41 – 4.2	Mức 5 >4.2
Chưa bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Không có năng lực	Có năng lực nhưng còn hạn chế	Có năng lực đảm bảo thực hiện được	Có năng lực tốt	Có năng lực rất tốt

- Độ lệch chuẩn: Độ lệch chuẩn càng lớn thì tập dữ liệu có biến thiên nhiều – có nghĩa là câu hỏi của đối tượng tham gia trả lời khác nhau nhiều.

- Kiểm định T- test: Kiểm định sự khác biệt trung bình giữa các biến định tính với nhau, giá trị sig T-Test <0.05 chúng ta kết luận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm/câu trả lời giữa các đối tượng, giá trị sig T-test >0.05 chúng ta kết luận không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm/câu trả lời giữa các đối tượng.

6. Một số thông tin chung về đối tượng được khảo sát

Qua quá trình khảo sát tại các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông tại hai tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk, chúng tôi đã thống kê số lượng từng đối tượng trả lời phiếu cũng như giới tính của họ theo bảng sau:

Bảng. Thống kê đối tượng tham gia khảo sát

	Giới tính		Tỉnh		Toàn mẫu	
	Nam	Nữ	Lâm Đồng	Đắk Lắk	Số lượng	%
CBQL	11	22	21	12	33	100
Giáo viên	62	270	171	171	342	100
HS THCS và THPT	129	221	181	169	350	100
HS Tiểu học	70	84	78	76	154	100
Tổng	272	597	451	428	879	100

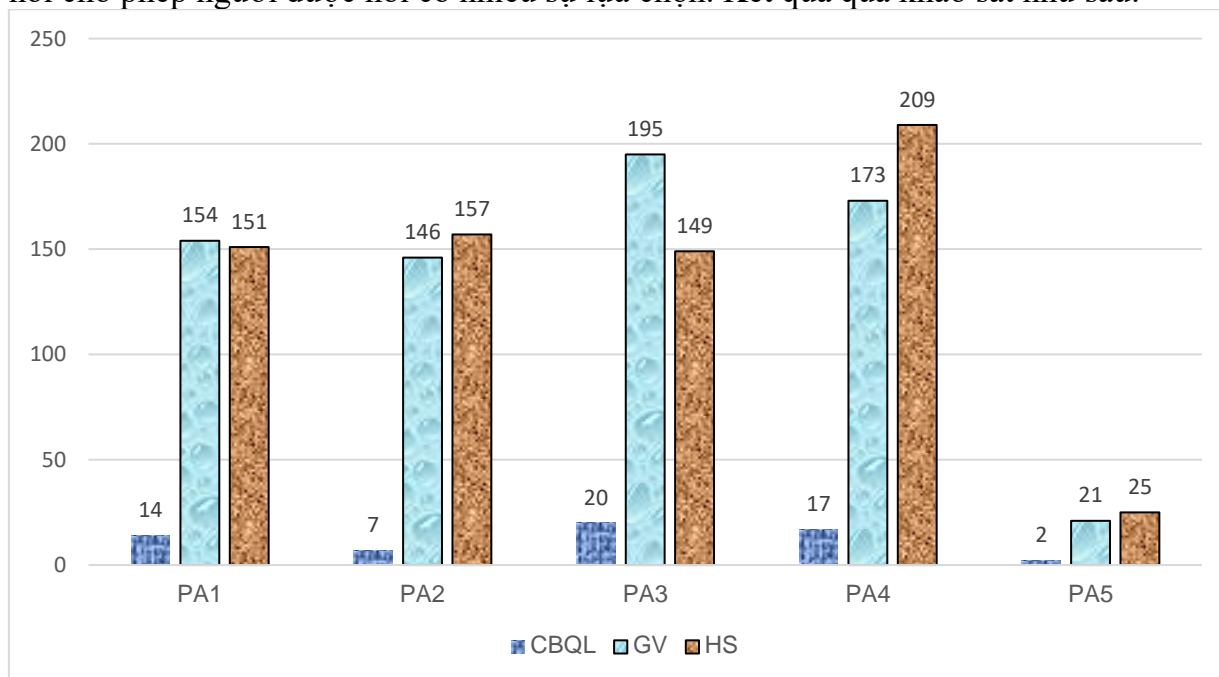
Về trình độ và năm công tác của đối tượng tham gia khảo sát:

Bảng. Thống kê đối tượng tham gia khảo sát							
		CBQL		GV		Toàn mẫu	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Trình độ	Cao đẳng	0	0.0	16	5.1	16	4.6
	Đại học	14	43.8	277	87.7	291	83.6
	Trên Đại học	18	56.3	23	7.3	41	11.8
	Tổng	32	100.0	316	100.0	348	100.0
Năm công tác	Dưới 5 năm	0	0.0	18	5.8	18	5.3
	Từ 5-10 năm	1	3.2	49	15.8	50	14.7
	Trên 10 năm	30	96.8	243	78.4	273	80.1
	Tổng	31	100.0	310	100.0	341	100.0

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Thực trạng nhận thức và sự hiểu biết về bảo vệ ĐVHD của các bên liên quan

Câu hỏi nhận định các đối tượng (CBQL, GV và HS trung học) về ĐVHD là câu hỏi cho phép người được hỏi có nhiều sự lựa chọn. Kết quả qua khảo sát như sau:



Hình: Biểu đồ thể hiện nhận thức của các đối tượng về ĐVHD

Trong đó:

PA1: ĐVHD là những loài động vật sinh sống, phát triển trong môi trường tự nhiên, nhân tạo.

PA2: ĐVHD là loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là loại được phép chăn nuôi tại các hộ gia đình.

PA3: ĐVHD là loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

PA4: ĐVHD là những động vật không phải do con người nuôi và chăm sóc.

PA5: ĐVHD là tất cả những con vật sống ở xung quanh chúng ta.

Quan sát trên biểu đồ có thể thấy PA3 và PA4 được các đối tượng lựa chọn nhiều nhất, sau đó là PA1, PA2 và được lựa chọn ít nhất là PA5. Kết quả đó cho thấy: đa số các đối tượng được hỏi cho rằng *ĐVHD là loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm* và *ĐVHD là những động vật không phải do con người nuôi và chăm sóc*. Ngoài ra, nhiều đối tượng cũng nhận định *ĐVHD là những loài động vật sinh sống, phát triển trong môi trường tự nhiên, nhân tạo và ĐVHD là loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là loại được phép chăn nuôi tại các hộ gia đình*. Nhận định *ĐVHD là tất cả những con vật sống ở xung quanh chúng ta* ít được các đối tượng lựa chọn.

Cụ thể: 195 lượt/329 người GV tương ứng với 59.3% đã lựa chọn PA3; 173 lượt/329 GV tương ứng với 52.6% đã lựa chọn PA4. PA3 và PA4 cũng là sự lựa chọn nhiều nhất của CBQL và HS trung học. Các PA1 và PA2 mặc dù được lựa chọn ít hơn nhưng cũng khá đồng đều. Cụ thể: 151 lượt/329 HS tương ứng với 45.9% đã lựa chọn PA1; 157 lượt/329 GV tương ứng với 47.7% đã lựa chọn PA2. Với câu ít sự lựa chọn nhất thì có 2 lượt/30 CBQL tương ứng với 6.7% chọn PA5.

ĐVHD quy định tại Điều 234, Bộ Luật Hình sự năm 2015 là những loài động vật, thực vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- b) Loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Loài ĐVHD nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES;
- d) Loài động vật rừng thông thường;

đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

Như vậy, các phương án đúng với trả lời câu hỏi trên là PA1, PA2, PA3 và PA4. Kết quả qua khảo sát đã cho thấy về cơ bản các đối tượng được hỏi đã có nhận định đúng về ĐVHD khi lựa chọn các phương án này. Tuy nhiên, vẫn còn một ít CBQL (2/30 lượt), GV (21 lượt/329 người), HS trung học (25 lượt/329 người) có sự nhầm lẫn hoặc chưa hiểu đúng về ĐVHD khi lựa chọn PA5.

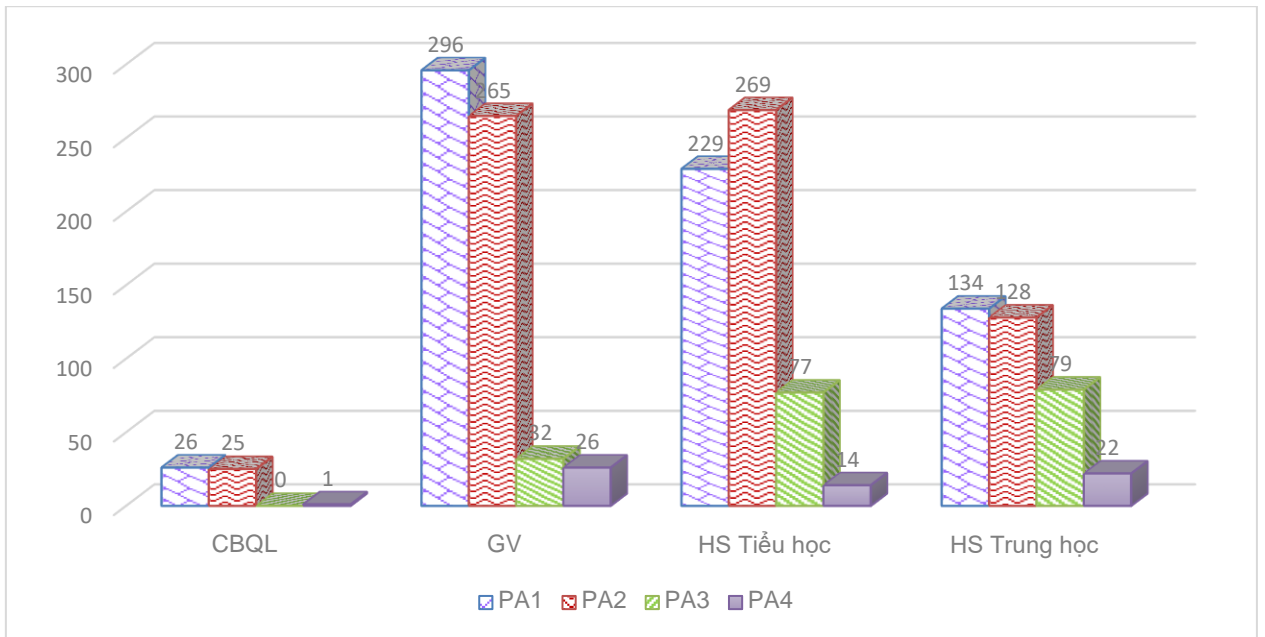
2/ Với câu hỏi: **Theo Thầy/Cô, những loại động vật nào dưới đây là ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên**, kết quả qua khảo sát với CBQL, GV và HS (Tiểu học, trung học) như sau:

Bảng. Nhận định của các đối tượng về ĐVHD										
Loài động vật	CBQL		Giáo viên		Học sinh Trung học		Học sinh Tiểu học		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Bò xám			177	52.1	91	26.5	93	60.4	361	43.1
Voi	30	100	293	86.2	266	77.6	127	82.5	716	82.6
Bò rừng	30	100	245	72.1	180	52.5	112	72.7	567	65.3
Trâu rừng	27	81.8	219	64.4	151	44.0	115	74.7	512	59.1
Hươu vàng	24	72.7	185	54.4	133	38.8	95	61.7	437	50.4
Chà vá	14	42.4	93	27.4	66	19.2	70	45.5	243	28.0
Trĩ sao	0		188	55.3	127	37.0	86	55.8	401	46.3
Công	21	63.6	126	37.1	107	31.2	62	40.3	316	36.4
Cá bóng tượng	0		21	6.2	45	13.1	42	27.3	108	12.5
Tổng	30	100.0	340	100.0	343	100.0	154	100.0	867	100

Hiện nay, ở Tây Nguyên, nhiều loài ĐVHD quý hiếm đang bị đe dọa, đều cần được tích cực bảo vệ. Trong đó, một số loài ĐVHD quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng, cần phải đặc biệt chú ý chăm sóc, bảo vệ như: bò xám, voi, bò tót, bò rừng, trâu rừng, hươu cà toong, hươu vàng, chà vá chân đen, chà vá chân xám, vượn má hung, công, trĩ sao, gà lôi, gà tiền, cao cát, chim đuôi cụt,... Nhận thức được điều này, đa số đối tượng được hỏi đã lựa chọn chính xác các loài ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên như voi, bò rừng, trâu rừng, bò xám... với tỷ lệ lựa chọn cao (trên 70%) ở tất cả các đối tượng.

Trong câu hỏi trên, các loài ĐVHD nói trên đều cần được bảo vệ, tuy nhiên, đối với khu vực Tây Nguyên thì *Cá bóng tượng* không phải là ĐVHD quý hiếm. Do đó, phương án *Cá bóng tượng* ở câu hỏi này là lựa chọn không chính xác. Mặc dù vậy, vẫn có 21 lượt/340 GV tương ứng với 6.2%; 45 lượt/343 HS trung học tương ứng với 13.1%; 42 lượt/154 HS tiểu học tương ứng với 27.3% lựa chọn phương án này. Như vậy, trên tổng số 867 đối tượng được hỏi thì có 108 lượt trả lời sai khi lựa chọn *Cá bóng tượng*.

3/ Vì sao cần bảo vệ động vật hoang dã? Rừng ở Tây Nguyên là môi trường sống của nhiều loài động vật quý hiếm có tên trong sách đỏ Việt Nam. Tây Nguyên nói riêng, là một trong những nơi có sự đa dạng cao về động vật quý hiếm. Tuy nhiên sự đa dạng này đang suy giảm. Các loài động vật quý hiếm như chim, sếu, hươu, voi... bị săn bắt trái phép cùng với diện tích rừng tự nhiên ngày một thu hẹp đã khiến cho rất nhiều loài đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Do đó, việc bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng là việc cần thiết và cấp thiết. Đứng trước vấn đề này, nhận thức của các đối tượng CBQL, GV, HS tiểu học, HS trung học như sau:



Biểu đồ: Nhận thức của các đối tượng về lí do cần bảo vệ ĐVHD

Trong đó:

PA1: Vì đây là các loài quý hiếm, dễ bị tuyệt chủng.

PA2: Mang lại nhiều ích lợi cho hệ sinh thái.

PA3: Mang lại nguồn thực phẩm đa dạng cho con người.

PA4: Để có nhiều nguyên liệu chế biến thuốc, phụ kiện, đồ trang trí,...

Câu hỏi này đã có 840 người trả lời, trong đó có 28 CBQL, 320 GV, 340 HS trung học và 152 HS tiểu học. Câu hỏi có 4 phương án để các đối tượng lựa chọn (nhiều hơn 1 phương án) tùy vào nhận thức của mình.

Đối với CBQL: PA1 và PA2 được lựa chọn hầu hết, PA4 có 1 sự lựa chọn và 0 lựa chọn cho PA3. Cụ thể: PA1 có 26 lượt/28 CBQL lựa chọn tương ứng với 92.9% cho rằng cần phải bảo vệ ĐVHD vì đây là các loài quý hiếm, dễ bị tuyệt chủng. PA2 có 25 lượt/28 người lựa chọn tương ứng với 89.3% cho rằng cần phải bảo vệ ĐVHD vì mang lại nhiều ích lợi cho hệ sinh thái.

Đối với GV: Về đa số các GV cũng lựa chọn PA1 và PA2 song cũng có một số GV xác định lí do này ở cả PA3 và PA4. Cụ thể: PA1 có 296 lượt/320 GV lựa chọn tương ứng với 92.5%. PA2 có 265 lượt/320 GV lựa chọn tương ứng với 82.8%. PA3 có 32 lượt/320 GV lựa chọn tương ứng với 10%. PA4 có 26 lượt/320 GV lựa chọn tương ứng với 8.1%.

Đối với HS trung học: PA1 có 229 lượt/340 HS lựa chọn tương ứng với 67.4%. PA2 có 269 lượt/340 HS lựa chọn tương ứng với 79.1%. PA3 có 77 lượt/340 HS lựa chọn tương ứng với 22.6%. PA4 có 14 lượt/340 HS lựa chọn tương ứng với 4.1%.

Đối với HS tiểu học: PA1 có 134 lượt/152 HS lựa chọn tương ứng với 88.2%. PA2 có 128 lượt/152 HS lựa chọn tương ứng với 84.2%. PA3 có 79 lượt/152 HS lựa chọn tương ứng với 52%. PA4 có 22 lượt/152 HS lựa chọn tương ứng với 14.5%.

Mặc dù câu hỏi này có 4 sự lựa chọn nhưng chỉ có PA1 và PA2 là lựa chọn chính xác. Căn cứ vào định nghĩa và các quy định trong Luật, ĐVHD cần được bảo vệ vì đây là các loài quý hiếm, dễ bị tuyệt chủng và chúng mang lại nhiều ích lợi cho hệ sinh thái. Mặc dù ĐVHD còn là nguồn nguyên liệu chế biến thuốc, có vai trò đóng góp cho y học, tuy nhiên đặt trong lựa chọn cùng với là *phụ kiện, đồ trang trí...* là không chính xác và không phải có vai trò *mang lại nguồn thực phẩm đa dạng cho con người*. Do đó PA3 và PA4 là không chính xác.

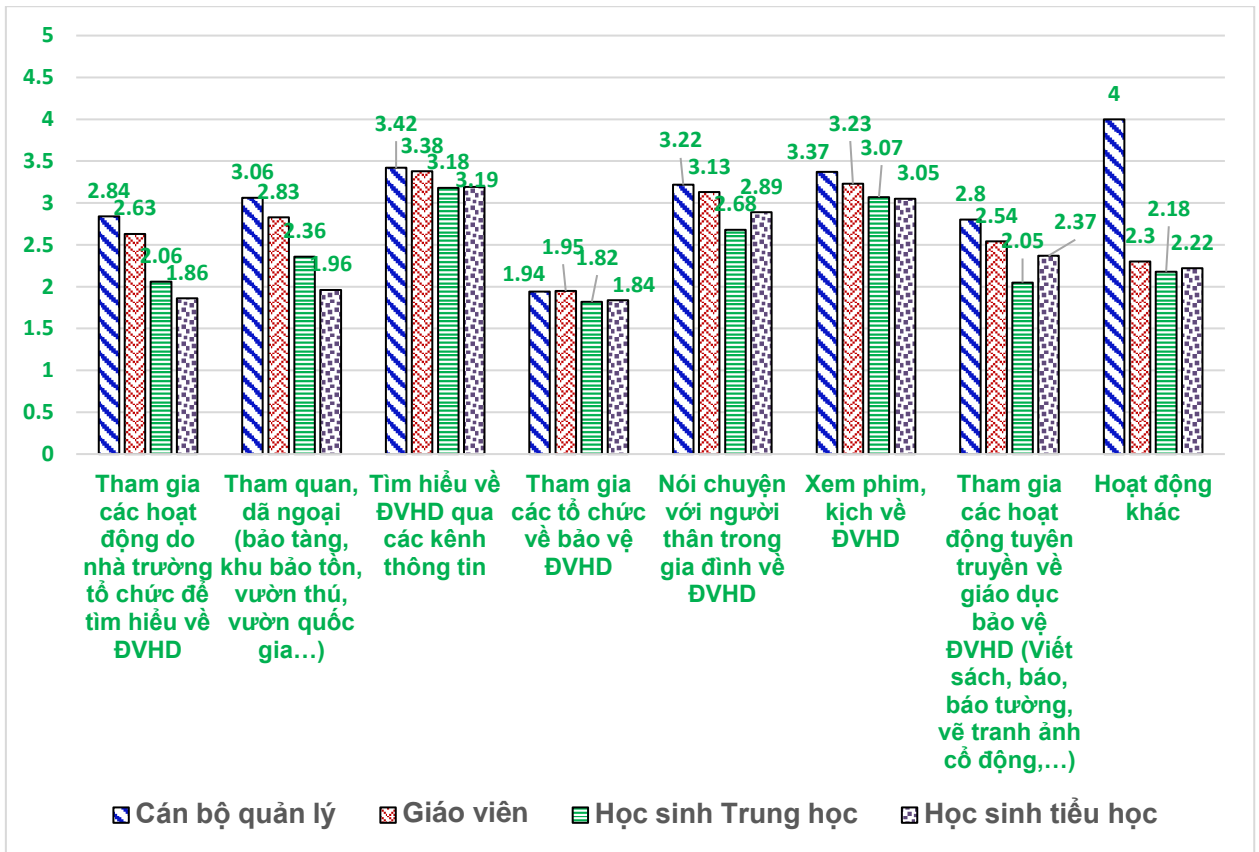
Với đáp án của câu hỏi này, qua khảo sát có thể thấy nhận định của các đối tượng phần lớn là chính xác, tỷ lệ nhận định đúng cao nhất thuộc về nhóm CBQL. Vẫn có một số GV, HS – nhất là HS tiểu học còn có sự nhầm lẫn hoặc nhận thức chưa đúng về lí do cần bảo vệ ĐVHD. Tỷ lệ chưa chính xác của CBQL là 1 lượt/28 người tương ứng 3.6%; GV là 58 lượt/320 người tương ứng với 18.1%; HS trung học là 91 lượt/340 người tương ứng với 26.7%; HS tiểu học là 101 lượt/152 người tương ứng với 66.5%.

Nhận xét chung: Với 3 câu hỏi nhận thức sự hiểu biết về bảo vệ ĐVHD của các đối tượng CBQL, GV, HS trung học và HS tiểu học có thể nhận thấy: đa số các đối tượng được hỏi đã có nhận thức đúng, chính xác về ĐVHD, vai trò và lí do cần bảo vệ ĐVHD. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận GV và HS (cả trung học và tiểu học) còn có sự nhầm lẫn, chưa xác định đúng vấn đề này. Do đó, cần có giải pháp tăng cường nhận thức cho các đối tượng này như thông qua tuyên truyền, tích hợp các bài học, các hoạt động NGLL... Bên cạnh đó, cần có tài liệu và hướng dẫn/tập huấn cho GV; tài liệu, học liệu, thiết bị dạy học cho HS; CSVC cho nhà trường... để giáo dục bảo vệ ĐVHD.

2. Thực trạng về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường

2.1. Thực trạng những hoạt động nâng cao nhận thức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường

Tổ chức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được xác định từ chính nhận thức của CBQL và GV các nhà trường, với câu hỏi về thực trạng “*Thầy/ cô cho biết đã tham gia những hoạt động như thế nào để nâng cao nhận thức về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã*”; cùng câu hỏi này chúng tôi tiến hành hỏi trên đối tượng là HS trung học và HS tiểu học, thu được kết quả:

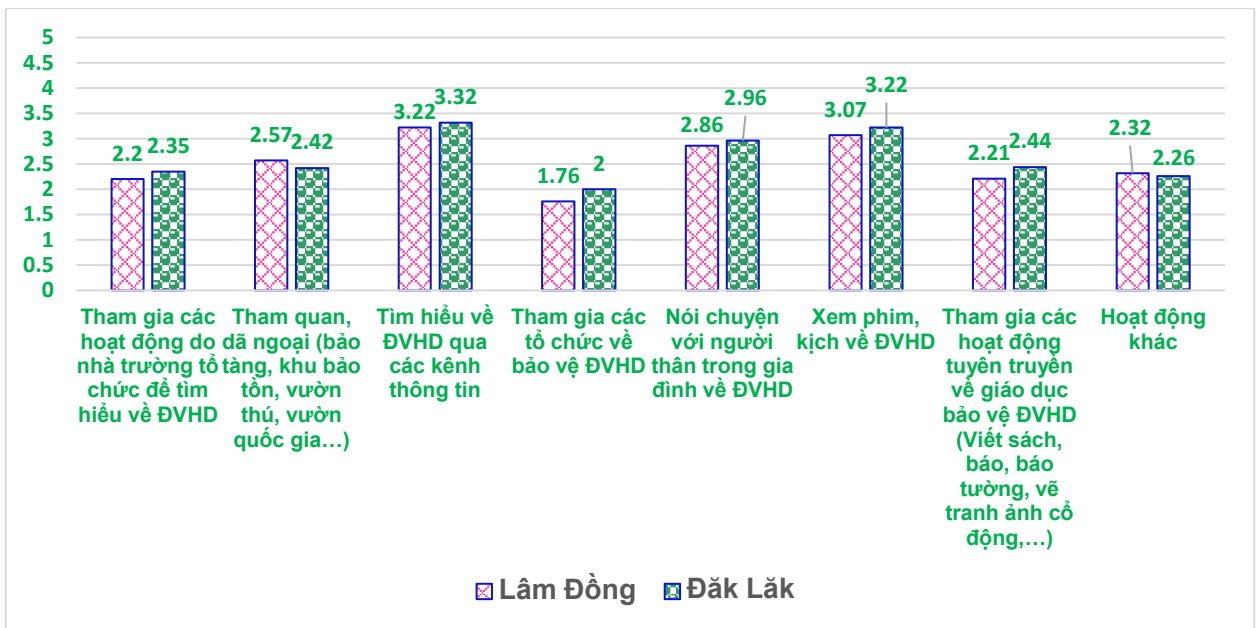


Biểu đồ: Nhận thức của CBQL và GV về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Với những phương án trả lời của câu hỏi về nhận thức về động vật hoang dã và giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, cơ bản không có sự chênh lệch giữa đối tượng là CBQL và GV; giữa HS trung học và HS tiểu học. Tuy nhiên, mức độ nhận thức có sự khác biệt giữa các đối tượng được hỏi. Đối với CBQL và GV phương án được trả lời nhiều nhất là việc là việc tìm hiểu về bảo vệ động vật hoang dã hay về động vật hoang dã tập trung thông qua các kênh thông tin (3.41; 3.38); cũng chiếm tỉ lệ trung bình cao nhất ở hai đối tượng là HS trung học và HS tiểu học thì việc tìm hiểu về động vật cũng qua các kênh thông tin (3.18; 3.19).

Chiếm tỉ lệ thấp hơn là các phương án nhằm nâng cao nhận thức về hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã lần lượt bao gồm: xem phim, kịch về động vật hoang dã; Nói chuyện với người thân trong gia đình về động vật hoang dã; tham gia các hoạt động tuyên truyền (viết sách, vẽ tranh ảnh cổ động...); tỉ lệ lựa chọn ít nhất và các phương án ở tất cả các đối tượng được hỏi là: tham gia các tổ chức bảo vệ động vật hoang dã.

Với hai địa bàn khảo sát Lâm Đồng và Đắk Lắk, kết quả:

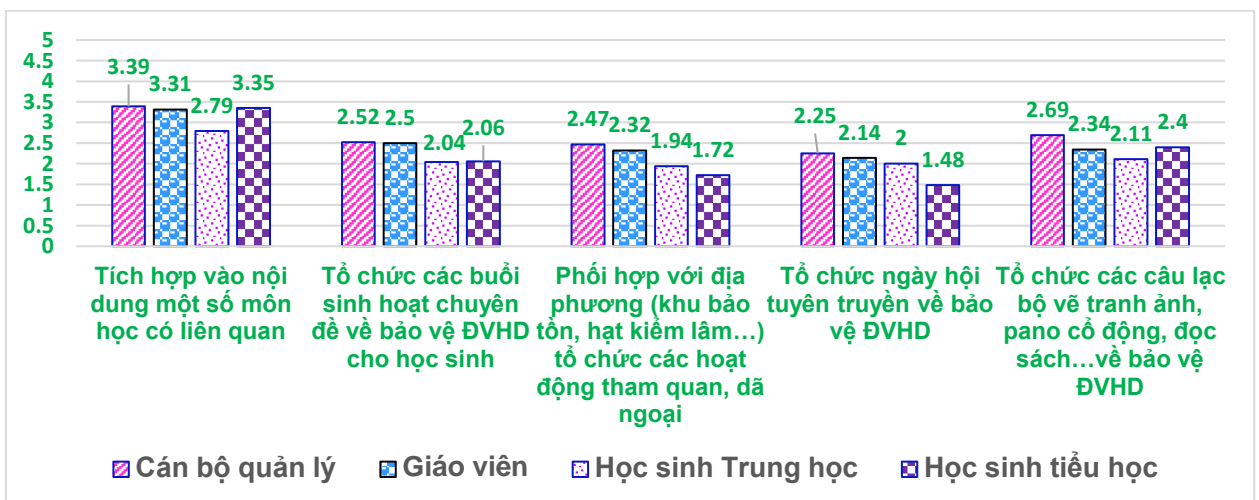


Biểu đồ: Nhận thức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã Lâm Đồng và Đắk Lắk

Khi so sánh tỉ lệ câu trả lời của số mẫu khảo sát cùng nội dung ở hai tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk cũng cho thấy tỉ lệ khá đồng nhất; phương án được lựa chọn nhiều nhất ở cả hai tỉnh vẫn là Tìm hiểu về động vật hoang dã qua các kênh thông tin (3.22; 3.32); tỉ lệ lựa chọn ít và đồng nhất ở hai tỉnh là phương án tham gia các tổ chức bảo vệ động vật hoang dã (1.76; 2.00). Kết quả này cũng đồng nhất với kết quả khảo sát trên tổng mẫu ở biểu đồ 1; điều này cho thấy: Việc nâng cao nhận thức của hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã khả thi khi triển khai trên một số lựa chọn như: các kênh thông tin; sử dụng thông qua phim, ảnh, tranh cổ động....

2.2. Thực trạng triển khai những hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Từ những số liệu trong báo cáo và thực tiễn dạy học tại các nhà trường, khảo sát thực trạng tập trung vào một số nội dung cơ bản về thực trạng triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở các nhà trường hiện nay, kết quả thu được:



Biểu đồ: Thực trạng triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Trong đó:

PA1: Tích hợp vào một số môn học có liên quan

PA2: Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về bảo vệ động vật hoang dã cho học sinh

PA3: Phối hợp với địa phương (khu bảo tồn, hạt kiểm lâm...) tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại

PA4: Tổ chức ngày hội tuyên truyền về bảo vệ động vật hoang dã

PA5: Tổ chức các câu lạc bộ vẽ tranh ảnh, pano cổ động, đọc sách... về bảo vệ động vật hoang dã

Với câu hỏi đặt ra “*Trường của Thầy/ Cô đã triển khai hoạt động liên quan đến giáo dục bảo vệ động vật hoang dã như thế nào?*”. Câu trả lời tập trung nhiều nhất của CBQL và GV là phương án: Tích hợp vào nội dung một số môn học có liên quan (3.39; 3.31); Ngoài ra các phương án còn lại là Phối hợp với địa phương (khu bảo tồn, hạt kiểm lâm...) tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại; Tổ chức ngày hội tuyên truyền về bảo vệ động vật hoang dã; Tổ chức các câu lạc bộ vẽ tranh ảnh, pano cổ động, đọc sách... về bảo vệ động vật hoang dã. Điều này cho thấy, xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã tại các nhà trường đã chủ động triển khai các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, triển khai trong nhiều hoạt động phong phú của nhà trường, tập trung là đưa nội dung giáo dục này tích hợp trong các môn học khác của chương trình.

Tuy nhiên, khi phỏng vấn sâu CBQL và GV tại một số nhà trường chúng tôi nhận được một số phản hồi, nêu bật những khó khăn và thuận lợi trong việc triển khai tại các nhà trường:

Ý KIẾN CỦA MỘT SỐ CBQL:

“Tại địa phương do có các khu rừng bảo tồn, với những thuận lợi về các kênh thông tin khá phong phú nên nhận thức của HS đã có nên tăng về động vật hoang dã và bảo vệ động vật hoang dã; Những các hoạt động của nhà trường chỉ mới triển khai ở mức độ hưởng ứng các cuộc thi được phát động ở các sở ban ngành của địa phương mà chưa thiết kế được những nội dung dạy học tích hợp cũng như các nội dung cụ thể được đưa vào kế hoạch nhà trường trong năm học”

“Nhà trường gặp khó khăn lúng túng trong việc tổ chức, triển khai các hoạt động có liên quan đến tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, cụ thể: thiếu tài liệu; chưa thiết kế được các hoạt động cụ thể; tích hợp trong một số môn học chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, thiếu nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên đề/câu lạc/ tham quan....”

“Triển khai tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã chưa có những hướng dẫn cụ thể trong kế hoạch triển khai năm học; chưa có những tài liệu hỗ trợ, gây khó khăn cho công tác quản lý và tổ chức tại các nhà trường”

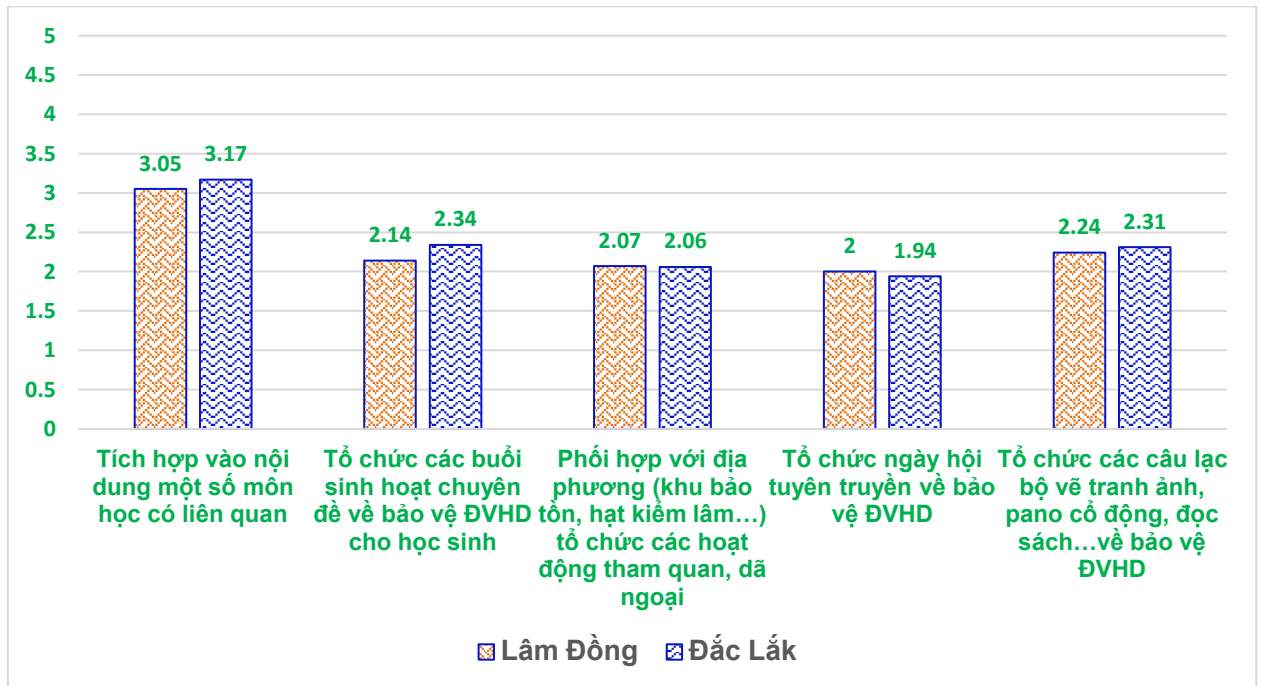
MỘT SỐ Ý KIẾN CỦA GV:

“Hạn chế trong việc phối hợp với các tổ chức, địa phương và gia đình trong việc triển khai các nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã đối với học sinh”

“ Học sinh cấp tiểu học hứng thú với các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã hơn so với học sinh các cấp học khác; Tuy nhiên, hạn chế về kinh phí trong việc tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, tham quan và ngoại khóa”

“GV gặp khó khăn về tài liệu và cách thức tổ chức khi thực hiện việc tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã vào các môn học trong chương trình cũng như tổ chức trong các tiết học tại nhà trường”

Cùng nội dung câu hỏi khảo sát này chúng tôi thực hiện khảo sát tại hai địa bàn khảo sát Lâm Đồng và Đắk Lắk, kết quả cho thấy:



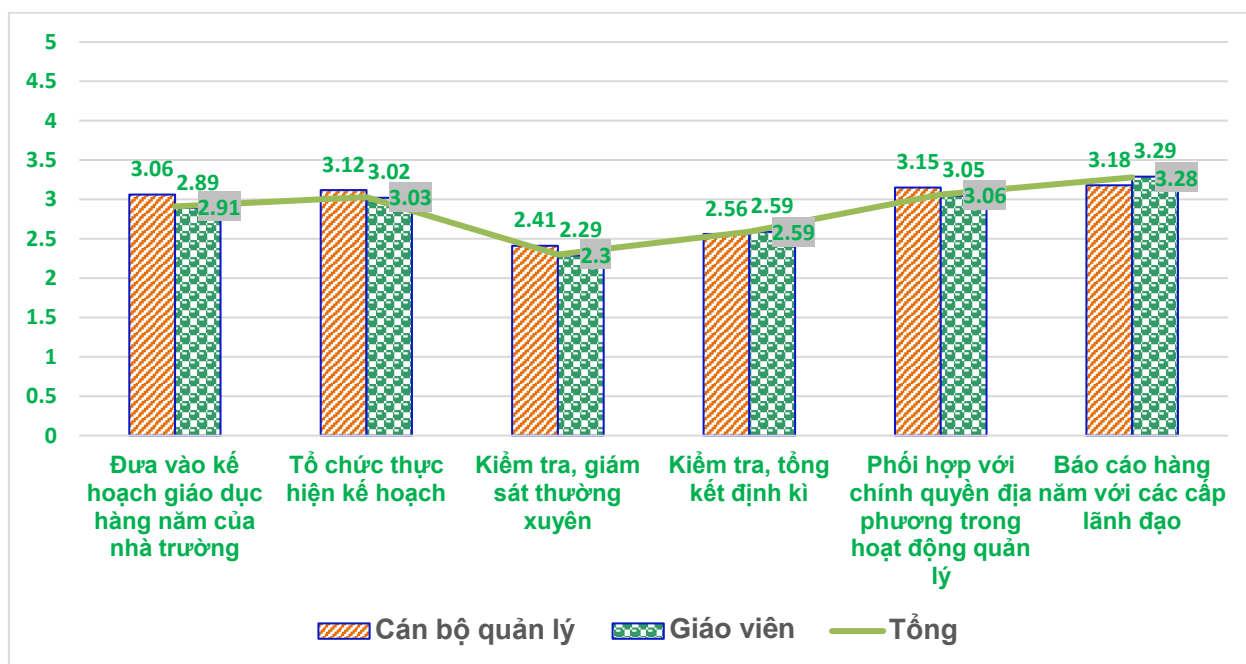
Biểu đồ: Triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở Lâm Đồng và Đắk Lắk

So sánh về thực trạng triển khai tổ chức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở hai địa phương, việc tổ chức cụ thể các phương án ở các mức độ khác nhau ở hai địa phương nhưng tương quan tổng thể cho thấy kết quả tập trung và đồng nhất ở thứ tự ưu tiên các

phương án: Phương án tích hợp vào nội dung một số môn học được sử dụng nhiều nhất; phương án tổ chức ngày hội tuyên truyền về bảo vệ động vật hoang dã là phương án ít được các nhà trường ở hai địa phương sử dụng; khả năng do các lí do CBQL và GV nêu trên trong phần những khó khăn khi triển khai thực hiện nội dung giáo dục này.

2.3. Thực trạng điều kiện hỗ trợ tổ chức giáo dục động vật hoang dã trong nhà trường

Nhằm tìm hiểu về những đặc điểm trong triển khai cũng như các điều kiện thực hiện việc triển khai tổ chức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong các nhà trường, chúng tôi tiến hành khảo sát CBQL và GV với câu hỏi: “Thầy/cô cho biết các điều kiện sau đây đã hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở mức độ nào?”



Biểu đồ: Các điều kiện hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Trong đó:

PA1: Đưa vào kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường

PA2: Tổ chức thực hiện kế hoạch

PA3: Kiểm tra, giám sát thường xuyên

PA4: Kiểm tra, tổng kết định kì

PA5: Phối hợp với chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý

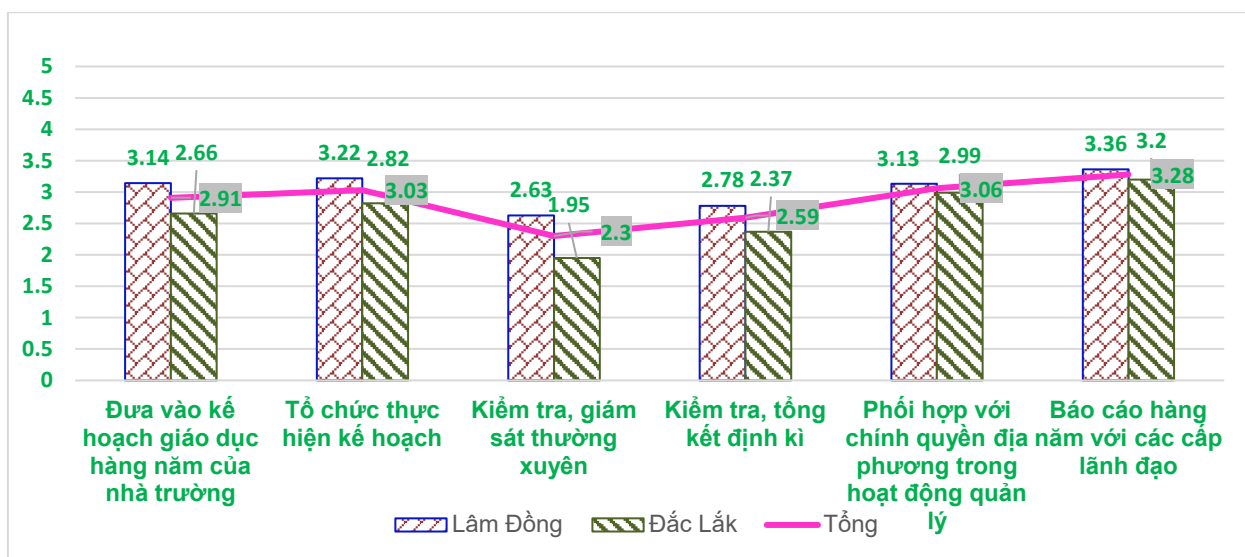
PA6: Báo cáo hàng năm với các cấp lãnh đạo

Khảo sát thực trạng các điều kiện hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, mức độ trả lời câu hỏi của CBQL và GV tuy có khác nhau, nhưng không có sự khác biệt giữa các lựa chọn. Việc đưa vào kế hoạch năm học, thực hiện theo kế hoạch, giám sát tổ chức, báo cáo hàng năm với các cấp lãnh đạo và có

khen thưởng cá nhân, tập thể có những thành tích xuất sắc trong hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã...là những điều kiện được xác định hỗ trợ cho việc tổ chức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở các nhà trường; Ý kiến của CBQL và GV đều đồng nhất ở các phương án có sự chênh lệch không đáng kể (mức độ trung bình từ 2.30 – 3.06); Với các điều kiện hỗ trợ này việc tổ chức hoạt động giáo dục có nhiều điều kiện thuận lợi mang tính chủ quan.

Đặc biệt trong phân phỏng vấn sâu, chúng tôi có đưa ra câu hỏi “Ngoài các điều kiện hỗ trợ như đã nêu trong câu hỏi, các thầy cô có tiến hành việc khen thưởng các cá nhân, tập thể trong các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã tại các nhà trường?”. Chúng tôi nhận được một số câu trả lời, tập trung vào một số ý tóm gọn:

- Các hoạt động có khen thưởng cá nhân tổ chức thường là từ các cuộc thi được phát động mang tính chất tuyên truyền của các sở ban ngành, ngành GD trong nguồn kinh phí hàng năm thường không có nội dung chi cho khen thưởng các chuyên đề hoặc các hoạt động giáo dục khác.
- Kinh phí thường không được xây dựng và phê duyệt do không có các kế hoạch năm học về nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong chương trình
- Nội dung chương trình giáo dục địa phương chưa đi sâu, tập trung thống nhất đưa ra ở các cấp học, nên nguồn kinh phí chưa có trong thường xuyên để bố trí các hoạt động giáo dục phù hợp và hiệu quả.



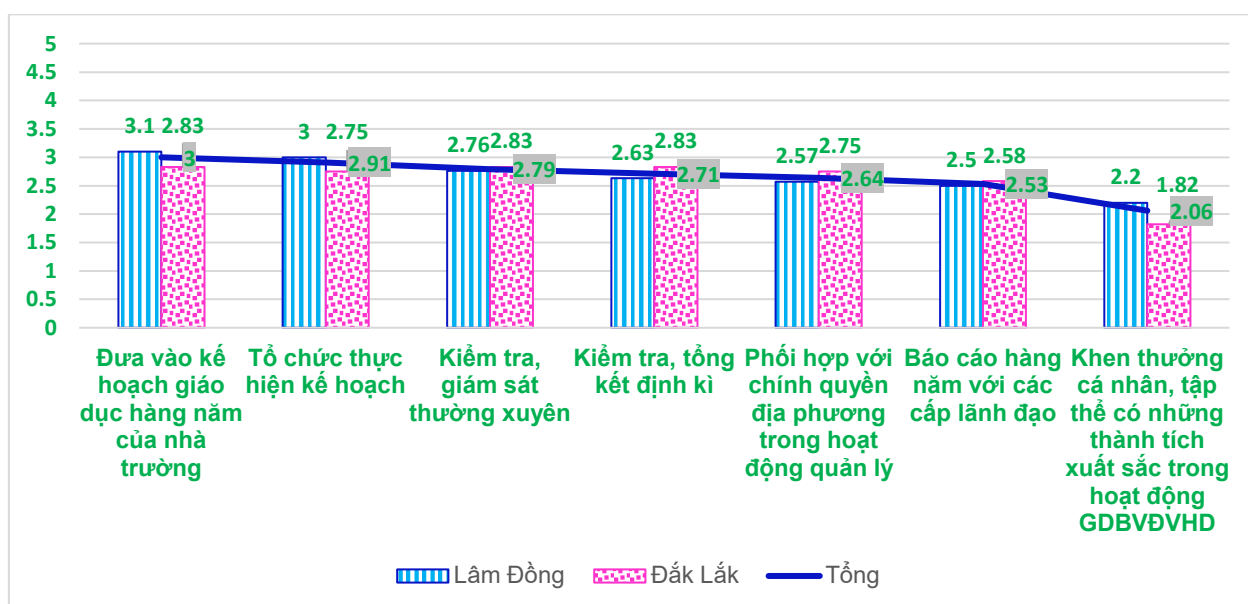
Biểu đồ: Các điều kiện hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở Lâm Đồng và Đắk Lắk

Thực hiện khảo sát cùng một nội dung về điều kiện hỗ trợ trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã. Với điều kiện có liên quan đến kiểm tra, giám sát thường xuyên ở cả hai địa phương đều còn hạn chế (2.63; 2.82) điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế triển khai: do chưa phải là nội dung độc lập nên khi tích hợp trong các môn học sẽ dẫn đến những khó khăn trong khâu giám sát, kiểm tra thường xuyên. Mức độ của điều kiện thực hiện ở các nhà trường trong địa bàn khảo sát thuộc hai tỉnh

lần lượt là việc đưa vào kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường (3.14; 2.66); Báo cáo hàng năm với các cấp lãnh đạo (3.3.6; 3.2) sau đó là là việc tổ chức kế hoạch và phối hợp với chính quyền địa phương. Như vậy, nội dung hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở các nhà trường đã thực ra là một vấn đề được quan tâm và triển khai, tuy nhiên còn gặp nhiều những khó khăn cả về phương diện chủ quan và khách quan, cần được hỗ trợ giải quyết.

2.4. Triển khai quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường

Xác định công tác triển khai quản lý hoạt động giáo dục là một trong những khâu mang lại hiệu quả trong công tác triển khai giáo dục bảo vệ động vật hoang dã tại các nhà trường; nhằm tìm hiểu thực trạng về công tác quản lý chúng tôi tiến hành hỏi đội ngũ CBQL với nội dung “Thầy/ Cô đã triển khai những nội dung quản lý hoạt động bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường như thế nào, ở mức độ nào?”

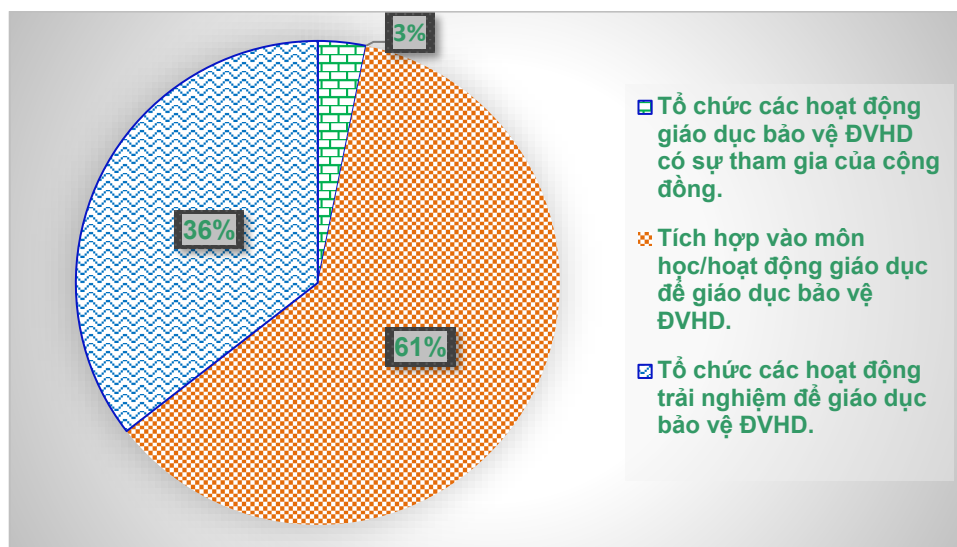


Biểu đồ: Thực trạng nội dung quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường

Trên thực tế khi thực hiện khảo sát nội dung quản lý hoạt động được hỏi với đối tượng là CBQL những người trực tiếp quản lý các hoạt động giáo dục tại nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy với các hoạt động quản lý tại các nhà trường thuộc hai địa phương đều tập trung vào các nội dung có liên quan đến lập kế hoạch năm học, đưa vào kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường, kiểm tra giám sát và tổng kết định kỳ, việc phối hợp với địa phương trong công tác quản lý của các nhà trường với hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cũng được thực sự quan tâm và triển khai ở hai địa phương; cũng theo kết quả này thì việc khen thưởng các tổ chức và cá nhân còn ít nhiều hạn chế đối với công tác quản lý này.

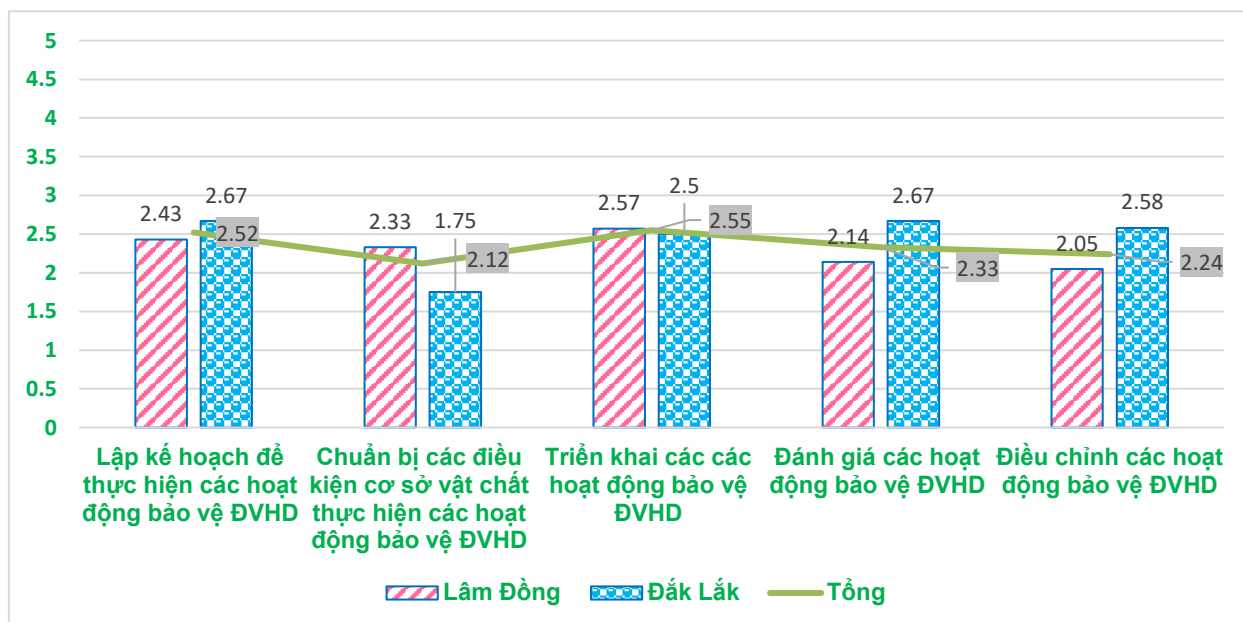
2.5. Thực trạng các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cụ thể đã từng tổ chức

Để tìm hiểu thực trạng tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã chúng tôi có thiết kế câu hỏi “Thầy/cô đã từng tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã nào sau đây?”. Với câu hỏi này chúng tôi tập trung hỏi đối tượng là CBQL các nhà trường, kết quả thu được:



Biểu đồ: Thực trạng tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Câu trả lời tập trung vào hai phương thức tổ chức chủ yếu đó là: Tích hợp hoạt động giáo dục vào một số môn học và Tổ chức các hoạt động trải nghiệm về bảo vệ động vật hoang dã. Đây cũng thể hiện được xu thế dạy học hiện đại tập trung vào trải nghiệm của học sinh và phương pháp dạy học hiện tại đó là tích hợp các môn học có cùng nội dung trên nền chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo các yêu cầu cần đạt.



Biểu đồ: Các bước tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Trong hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã các nhà trường trong phạm vi khảo sát đã thực hiện, chúng tôi mong muốn tìm được các hình thức tổ chức giáo dục

và mức độ thực hiện các hình thức đã được lựa chọn tại các nhà trường để làm căn cứ xây dựng những đề xuất hiệu quả cho công tác này, chúng tôi đưa ra câu hỏi “Thầy /Cô đã thực hiện hoạt động nào sau đây ở mức độ nào? – trong việc triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã”

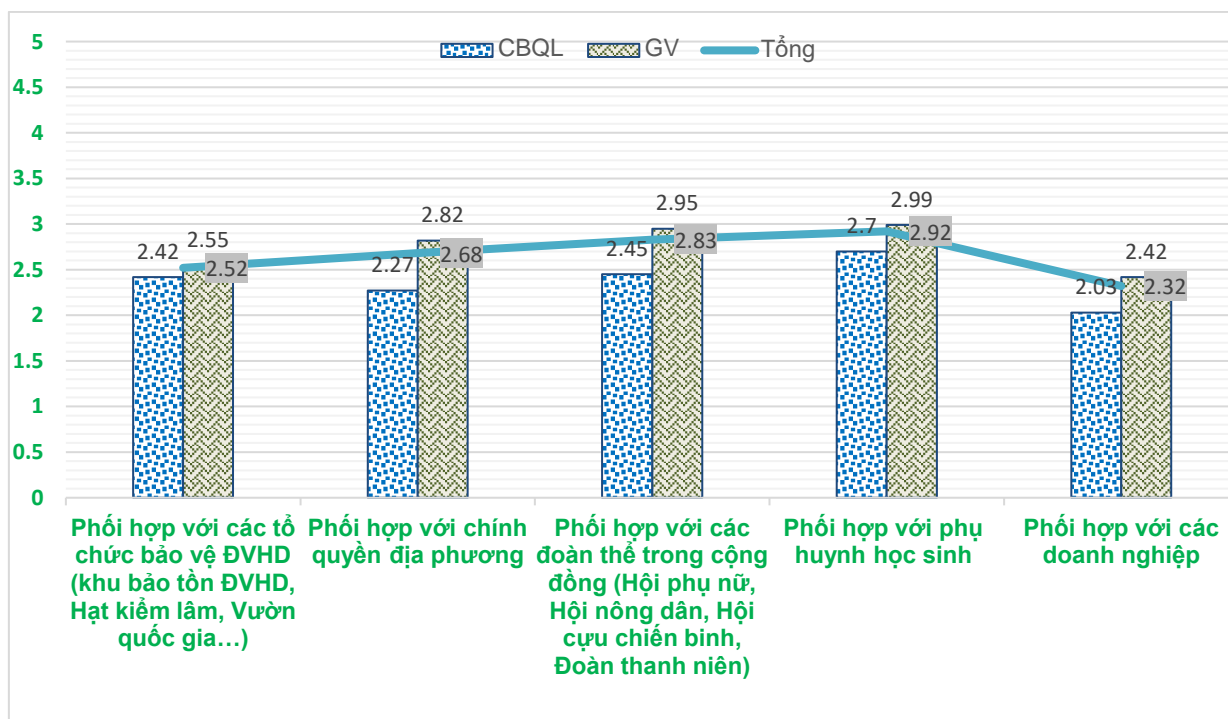
Chúng tôi nhận được câu trả lời ở các nhà trường của hai địa phương có sự chênh lệch về mức độ và các hình thức lựa chọn. Với Lâm Đồng hình thức lựa chọn ưu tiên là Triển khai các hoạt động bảo vệ động vật hoang dã (2.57) và lần lượt còn lại là: Lập kế hoạch (2.43), Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất (2.33); Đánh giá (2.14) và điều chỉnh hoạt động (2.05); Với Đắk Lắk thứ tự lựa chọn các hình thức: Lập kế hoạch và Đánh giá hoạt động được tập trung lựa chọn (2.67) và lần lượt: Điều chỉnh hoạt động (2.58), Triển khai hoạt động (2.50) và chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất (1.75)

Tuy nhiên, các phương án được xác định có sự chênh lệch ở các nhà và địa phương nhưng vẫn cùng một mức độ là mức độ 2. Điều này cho thấy các hình thức tổ chức thực hiện được nêu ra đều được quan tâm triển khai và thực hiện trong thực tiễn ở các nhà trường.

3. Thực trạng về mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD

3.1. Sự phối hợp của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD

Hiện nay, ở các nhà trường phổ thông chưa có các mô hình cụ thể về giáo dục bảo vệ ĐVHD mà chỉ có các hoạt động giáo dục hướng tới giáo dục bảo vệ ĐVHD đã và đang triển khai rộng khắp. Để triển khai các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD rất cần có sự chung tay của cả cộng đồng được thể hiện ở việc các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và người dân địa phương cùng có những hành động thích hợp và thiết thực để bảo vệ ĐVHD.

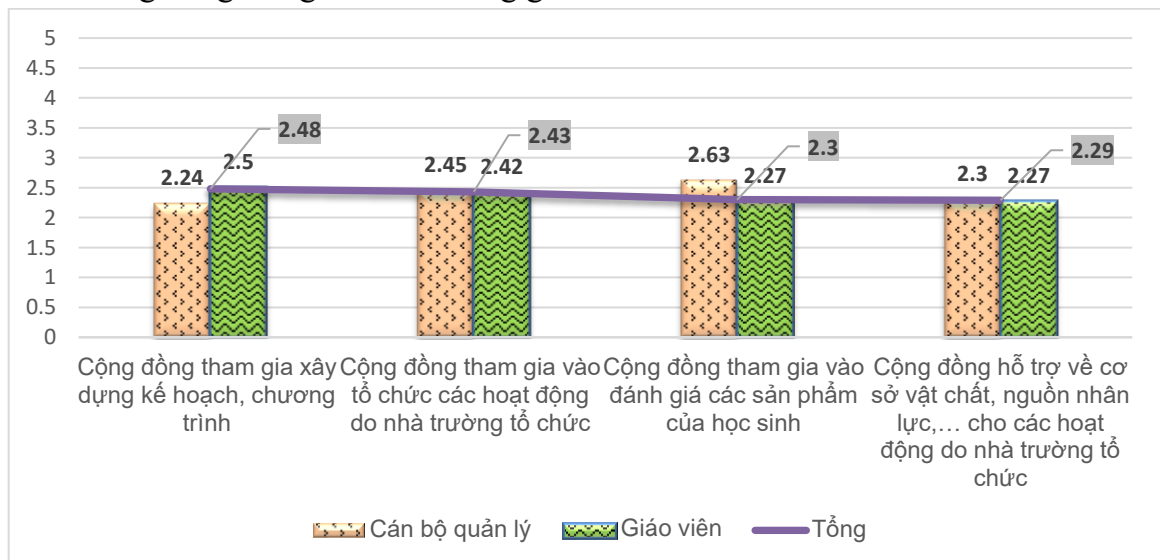


Biểu đồ: Điểm trung bình về mức độ tham gia của các đơn vị ở cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh ở trường

Từ biểu đồ trên, có thể thấy giá trị trung bình về mức độ tham gia của các đơn vị ở cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường dao động từ 2.03 đến 2.99 đều nằm trong mức độ hiếm khi và thỉnh thoảng, không có đơn vị nào có sự phối hợp thường xuyên và rất thường xuyên với nhà trường trong các hoạt động giáo dục BVMT. Xét trên tổng số người trả lời phiếu, không có sự chênh lệch nhiều về giá trị trung bình giữa giữa các đơn vị trong cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường. Xét trên khía cạnh từng đối tượng đánh giá về sự phối hợp này, đội ngũ CBQL cho rằng việc phối hợp với doanh nghiệp, phụ huynh học sinh, các đoàn thể trong cộng đồng, chính quyền địa phương và các tổ chức bảo vệ ĐVHD là khá khó khăn khi sự phối hợp này chỉ ở mức độ hiếm khi. Trong khi đó, phụ huynh học sinh là đối tượng được đánh giá phối hợp ở mức tốt nhất trong các đơn vị ở cộng đồng, tuy nhiên mức độ phối hợp cũng chỉ ở mức thỉnh thoảng. Đối với đội ngũ giáo viên, hai đơn vị được đội ngũ này đánh giá phối hợp nhiều nhất là phụ huynh học sinh và các đoàn thể trong cộng đồng, tuy nhiên cũng vẫn chỉ ở mức độ thỉnh thoảng; Việc phối hợp với các tổ chức bảo vệ ĐVHD và doanh nghiệp là ít nhất, ở mức độ hiếm khi.

Kiểm định T-test cho thấy sig. có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng CBQL và giáo viên trong việc nhận định về sự phối hợp với chính quyền địa phương (sig.=0.006) và phối hợp với đoàn thể trong cộng đồng (sig.=0.027).

Để các hoạt động giáo dục có thể lan tỏa và bền vững ở cộng đồng thì cộng đồng phải được tham gia vào tất cả các quá trình của hoạt động giáo dục BVMT từ xây dựng kế hoạch chương trình, tổ chức các hoạt động do nhà trường tổ chức đến việc đánh giá các sản phẩm của học sinh hay hỗ trợ về cơ sở vật chất, nguồn lực cho các hoạt động do nhà trường tổ chức. Biểu đồ dưới đây đưa ra số liệu về điểm trung bình về mức độ tham gia của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục BVMT.



Biểu đồ: Điểm trung bình về mức độ tham gia của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh ở trường

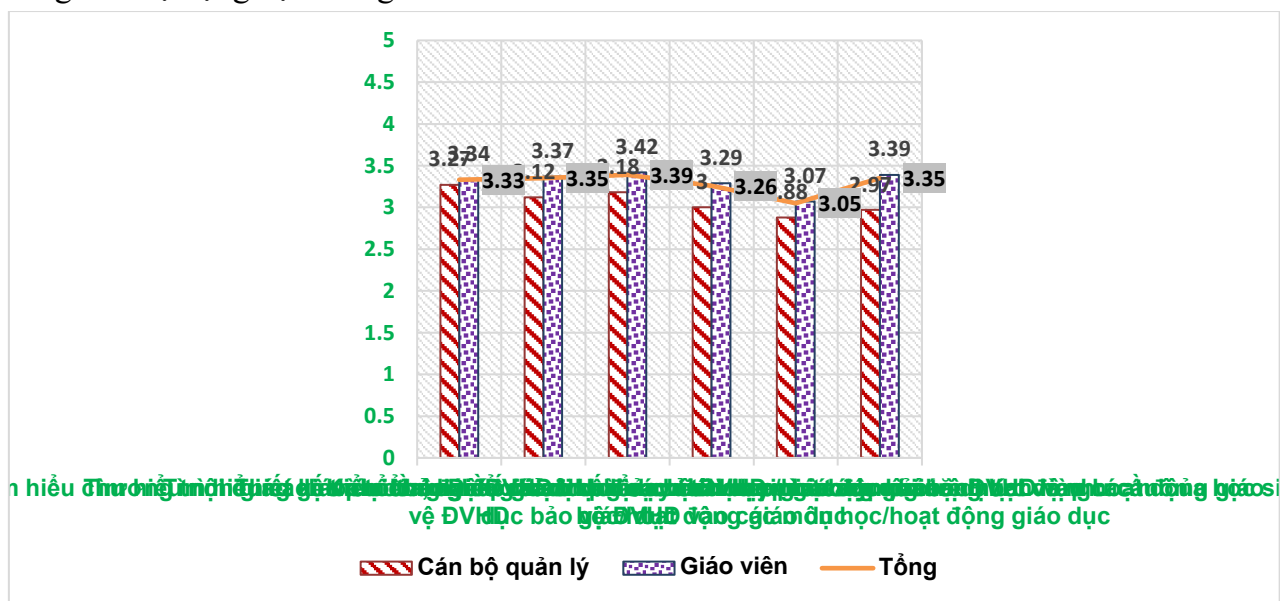
Số liệu cho thấy, giá trị trung bình về mức độ tham gia cộng đồng trong vào các bước của quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục BVMT dao động từ 2.24 đến 2.48 đều nằm trong mức độ hiếm khi, không có bước nào trong GD bảo vệ ĐVHD nhận được

sự phối hợp thường xuyên và rất thường xuyên của nhà trường với cộng đồng. Điều đó chứng tỏ chưa có sự tham gia tích cực và thường xuyên của cộng đồng trong các hoạt động liên quan đến giáo dục bảo vệ ĐVHD với nhà trường từ khâu xây dựng kế hoạch, đến việc tham gia tổ chức các hoạt động, hay đánh giá các sản phẩm của học sinh cũng như hỗ trợ về cơ sở vật chất, nguồn lực cho các hoạt động do nhà trường tổ chức.

- Bố mẹ cũng chỉ biết các môn văn hóa các con học trên lớp, còn về các hoạt động khác thì ít được biết.
 - Bố mẹ chỉ biết khi các con về kể lại với bố mẹ. Như hôm trước Con về có hỏi mẹ. Để BV ĐVHD thì cần làm gì? Nếu con quan tâm đến vấn đề đấy thì chắc là nhà trường có tổ chức, có phổ biến ĐVHD hoặc là lồng ghép trong các môn học
 - Còn việc PH tham gia hoạt động GD BV ĐVHD với nhà trường thì chưa có.
 Tọa đàm với PHHS, Trường THCS Ea Yông, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk

3.2. Tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD trong các môn học và hoạt động giáo dục

Trong những năm qua, nội dung bảo vệ động vật sẽ đã được tích hợp vào nhiều môn học và các hoạt động giáo dục ở các cấp học, nhằm giúp học sinh thấy được vẻ đẹp, sự đa dạng, giá trị của thế giới động vật hoang dã Việt Nam. Đồng thời, những nội dung tích hợp sẽ giúp học sinh nhận thức được mối đe dọa và các hành động có thể thực hiện nhằm bảo vệ đối với các loài động vật. Từ đó, học sinh có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng bảo vệ động vật hoang dã.



Biểu đồ: Điểm trung bình của những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp

các nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các môn học và hoạt động giáo dục

Biểu đồ cho thấy, giá trị trung bình chung của những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD dao động từ 2.88 đến 3.42 là nằm trong mức thành thạo. Cả cán bộ quản lý và giáo viên đều cho rằng những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp như: Tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông để tìm hiểu địa chỉ tích hợp; Tìm hiểu nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD trong môn học/ hoạt động giáo dục; Tìm hiểu cách thức lồng ghép giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các

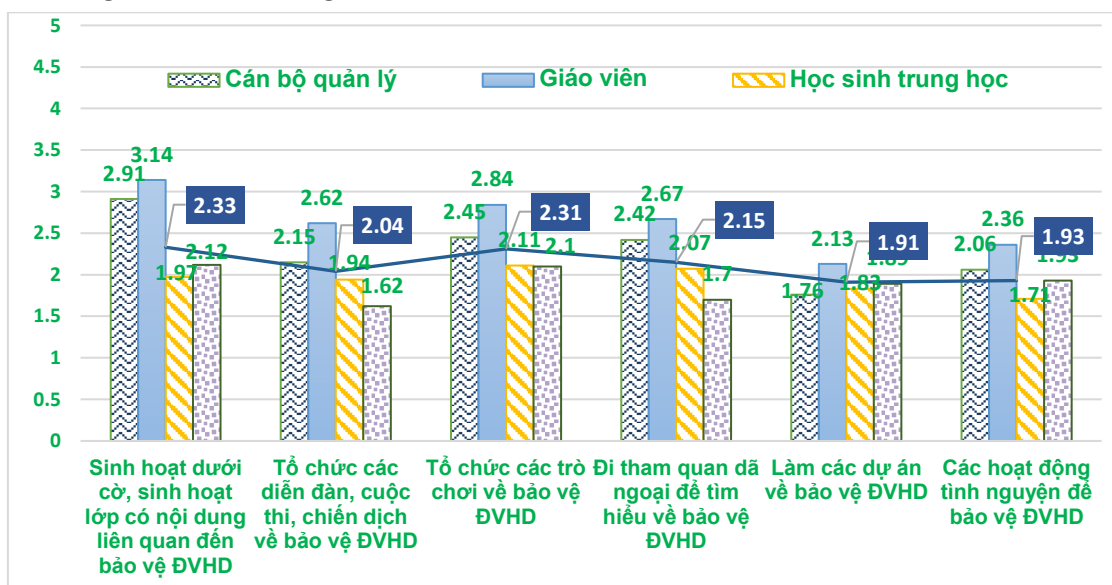
môn học/hoạt động giáo dục; Thiết kế và triển khai kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các môn học/hoạt động giáo dục; Kiểm tra, đánh giá sản phẩm của học sinh trong quá trình tích hợp hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các môn học/hoạt động giáo dục; Điều chỉnh kế hoạch bài dạy phù hợp với năng lực và nhu cầu của học sinh đều chỉ ở mức thỉnh thoảng.

Một số môn học thuận lợi cho việc tích hợp hoạt động này như Sinh học, Địa lí, Văn học GDCD với mức độ tích hợp/lồng ghép cũng đủ kiến thức để học sinh nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ ĐVHD. Một số bài của giáo dục địa phương thì thuận lợi hơn, có thể tổ chức thành dự án để triển khai cho các em.
PVS giáo viên, Trường THCS thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

Kiểm định T-test cho thấy sig. có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng CBQL và giáo viên trong việc nhận định về điều chỉnh kế hoạch bài dạy phù hợp với năng lực và nhu cầu của học sinh (sig.=0.025).

3.3. Lồng ghép nội dung bảo vệ ĐVHD vào hoạt động trải nghiệm

Ngoài việc tích hợp các nội dung bảo vệ ĐVHD vào các môn học/ hoạt động giáo dục thì việc lồng ghép các nội dung bảo vệ ĐVHD vào hoạt động trải nghiệm cũng được các nhà trường thực hiện trong các năm học.



Biểu đồ: Điểm trung bình về những hoạt động trải nghiệm được tổ chức tại nhà trường để giáo dục bảo vệ ĐVHD

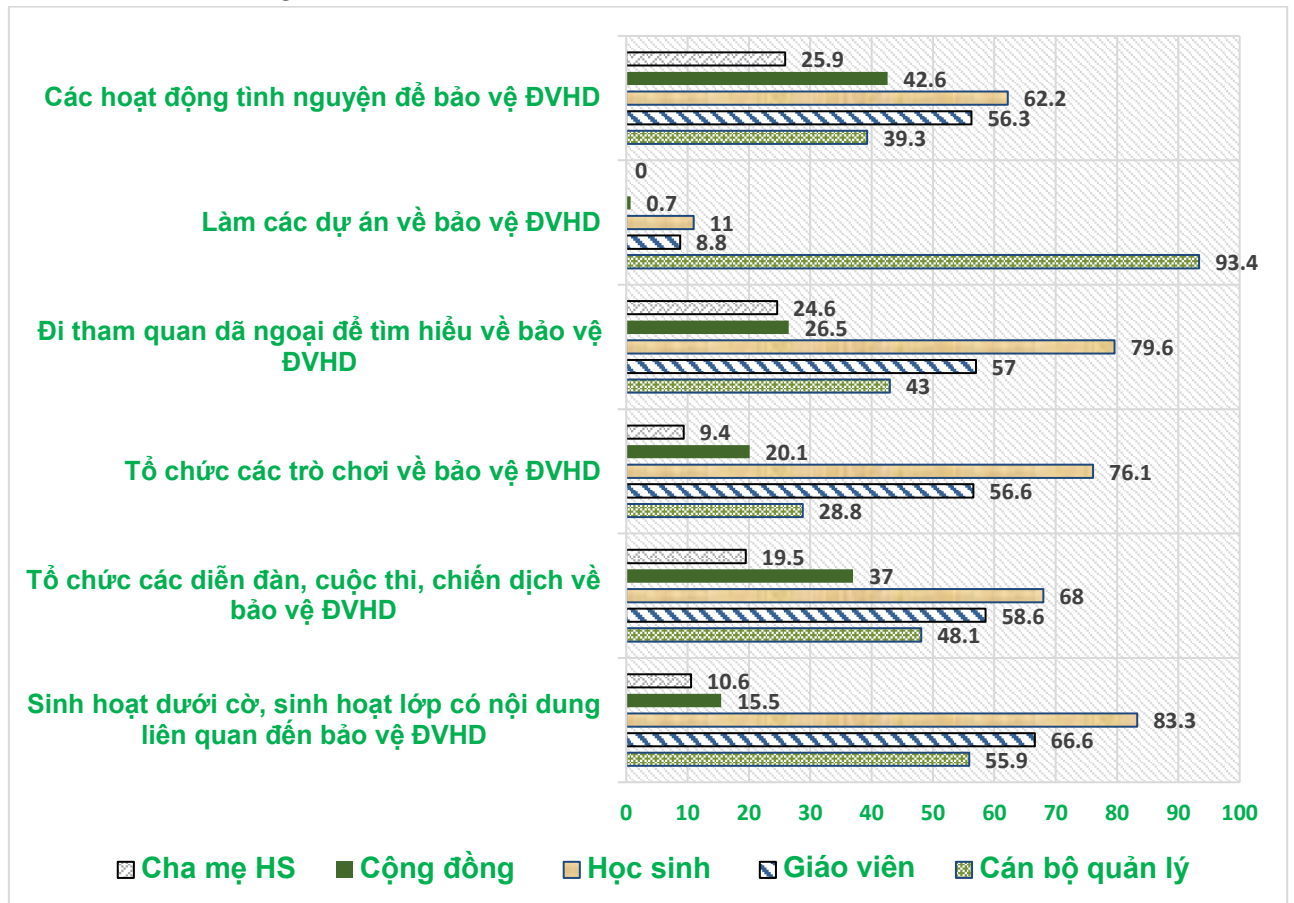
Điểm trung bình chung cho thấy những hoạt động trải nghiệm được tổ chức tại nhà trường để giáo dục bảo vệ ĐVHD dao động từ 1.91 đến 2.33, đều nằm ở khoảng hiếm khi. Đội ngũ giáo viên cho rằng việc thực hiện các hoạt động trải nghiệm được tiến hành ở mức độ nhiều nhất so với các đối tượng còn lại, tiếp đến là đội ngũ CBQL, tiếp theo là học sinh trung học và cuối cùng là học sinh tiểu học. Nội dung “Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp có nội dung liên quan đến bảo vệ ĐVHD” và “Tổ chức các trò chơi về bảo vệ ĐVHD” là hoạt động được đánh giá là thực hiện nhiều nhất so với các hoạt động còn lại; ngược lại nội dung “Làm các dự án về bảo vệ ĐVHD” và “Các hoạt động tình nguyện để bảo vệ ĐVHD” được đánh giá thực hiện ít nhất so với các hoạt động còn lại.

Trước đợt dịch, mỗi năm một lần, thường vào dịp kỉ niệm ngày thành lập Đoàn, Đội, nhà trường sẽ tổ chức cho học sinh dã ngoại bằng cách đi bảo tàng, Viện Sinh học hoặc du lịch sinh thái.

Tọa đàm Giáo viên, tỉnh Lâm Đồng

Kiểm định T-test cho thấy sig. có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng CBQL, giáo viên, học sinh trung học và học sinh tiểu học trong việc nhận định về những hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD được tổ chức tại nhà trường, cụ thể: Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp có nội dung liên quan đến bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000); Tổ chức các diễn đàn, cuộc thi, chiến dịch về bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000); Tổ chức các trò chơi về bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000); Đi tham quan dã ngoại để tìm hiểu về bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000); Làm các dự án về bảo vệ ĐVHD (sig.=0.021); Các hoạt động tình nguyện để bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000);

Các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD cũng có rất nhiều các đối tượng tham gia vào và ở các mức độ khác nhau. Biểu đồ dưới đây mô tả giá trị trung bình của các đối tượng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường.



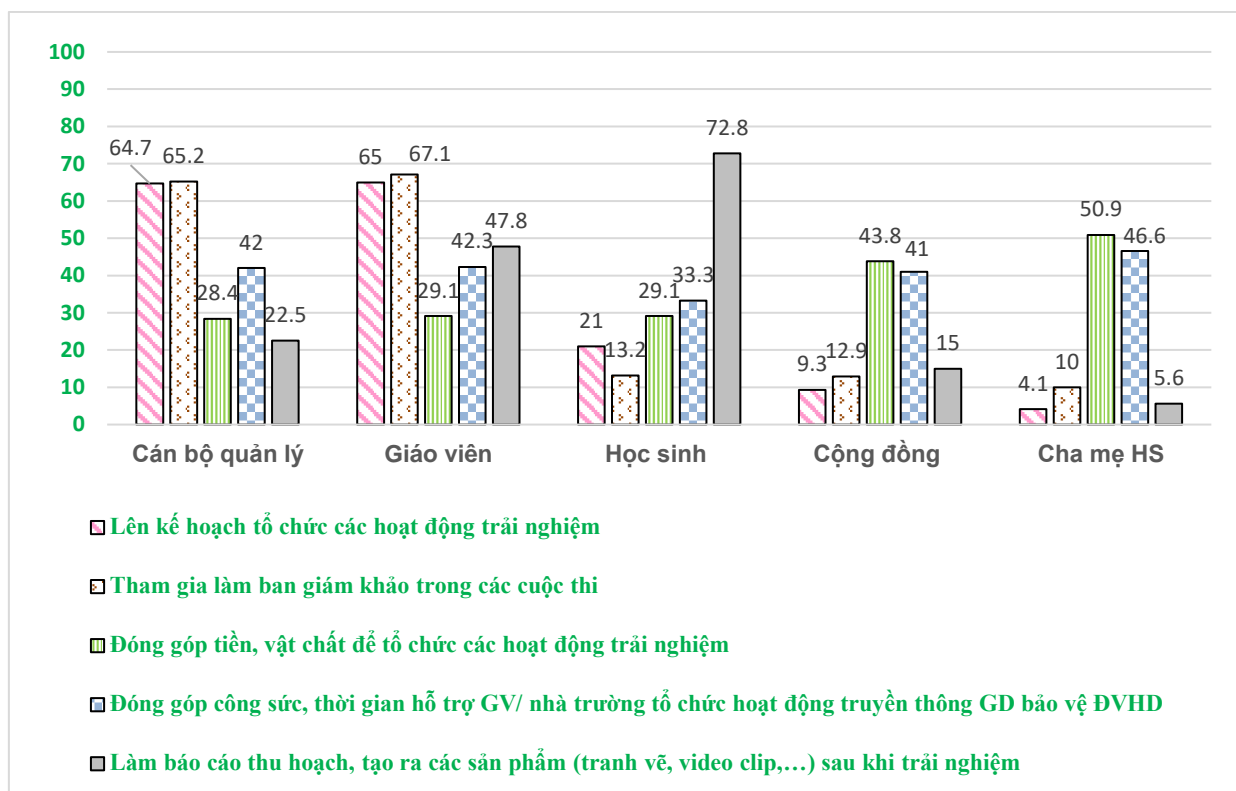
Biểu đồ: Điểm trung bình của các đối tượng tham gia

vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường

Xét trên mặt bằng chung, cha mẹ học sinh là những người ít tham gia vào các hoạt động trải nghiệm nhất, tiếp đến là cộng đồng; ngược lại là đối tượng học sinh và

giáo viên tham gia nhiều nhất vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường. Đối tượng CBQL lại được đánh giá giá cao nhất khi tổ chức thực hiện các dự án về giáo dục bảo vệ ĐVHD, GV và học sinh thì tham gia một cách đầy đủ ở tất cả các hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, cha mẹ học sinh và cộng đồng lại không tham gia ở các hoạt động dự án giáo dục bảo vệ ĐVHD.

Cách thức các đối tượng ở nhà trường và cộng đồng tham gia và đóng góp trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD cũng khác nhau, cụ thể:



Biểu đồ: Điểm trung bình của các đối tượng tham gia

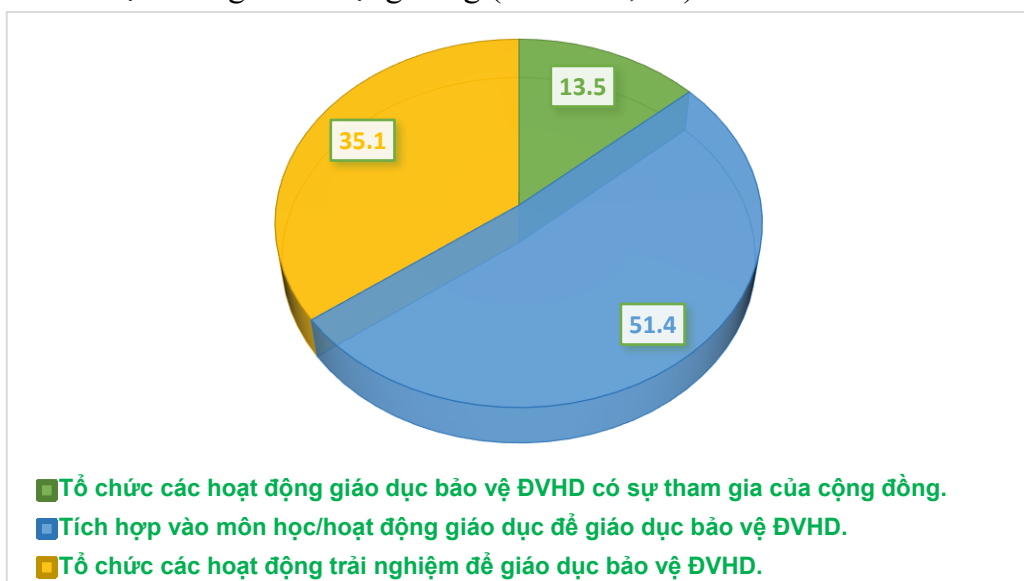
vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường

Đối với đội ngũ CBQL và giáo viên, việc lên kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và tham gia làm ban giám khảo trong các cuộc thi là hai nội dung được các đối tượng này thực hiện nhiều nhất. Đối với học sinh, việc làm báo cáo thu hoạch, tạo ra các sản phẩm như tranh vẽ, video clip sau trải nghiệm là hoạt động diễn ra thường xuyên nhất. Cộng đồng và cha mẹ học sinh thực hiện việc đóng góp tiền, vật chất để tổ chức các hoạt động trải nghiệm và đóng góp công sức, thời gian hỗ trợ giáo viên/ nhà trường tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD.

3.4. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD

Biểu đồ dưới đây cho thấy, trong các hoạt động tập huấn cho giáo viên liên quan đến giáo dục bảo vệ ĐVHD, nội dung tích hợp vào các môn học/ hoạt động giáo dục để giáo dục bảo vệ ĐVHD được tập huấn nhiều nhất (51.4%), tiếp đến là hoạt động trải

nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD (35.1%) và cuối cùng là các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD có sự tham gia của cộng đồng (chỉ có 13,5%).

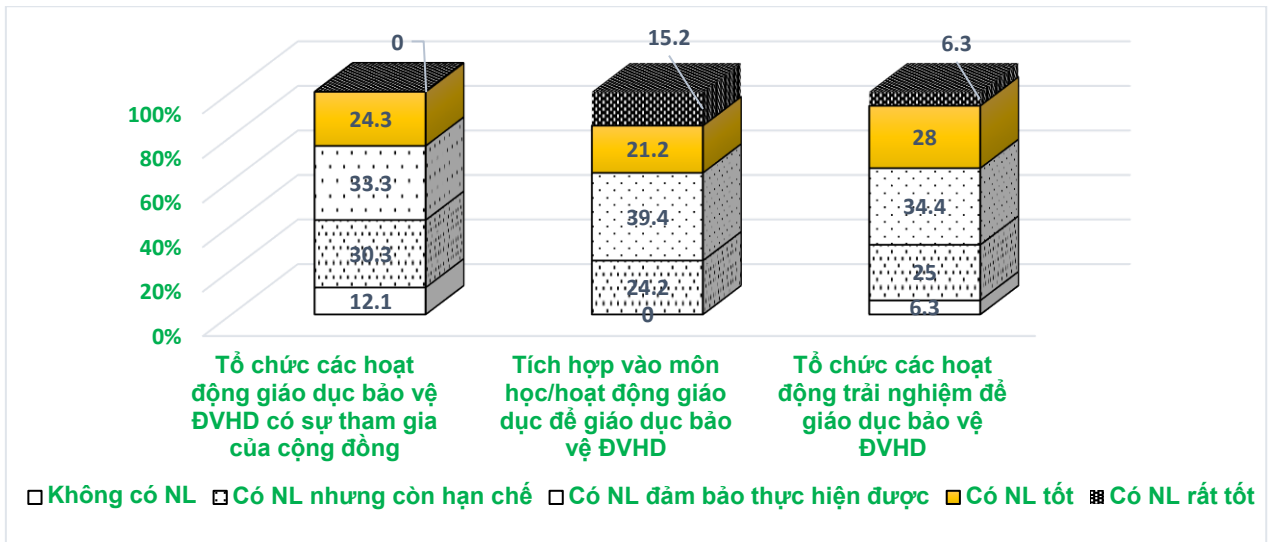


Biểu đồ: Tỷ lệ phần trăm mô tả các hoạt động tập huấn cho giáo viên liên quan đến giáo dục bảo vệ ĐVHD

Đánh giá về năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của giáo viên trường mình, chúng tôi cho rằng giáo viên có khả năng Tích hợp vào môn học/hoạt động giáo dục để giáo dục bảo vệ ĐVHD cũng như có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD. Tuy nhiên, cũng cần có các điều kiện thời gian, vật lực, nhân lực đi kèm.

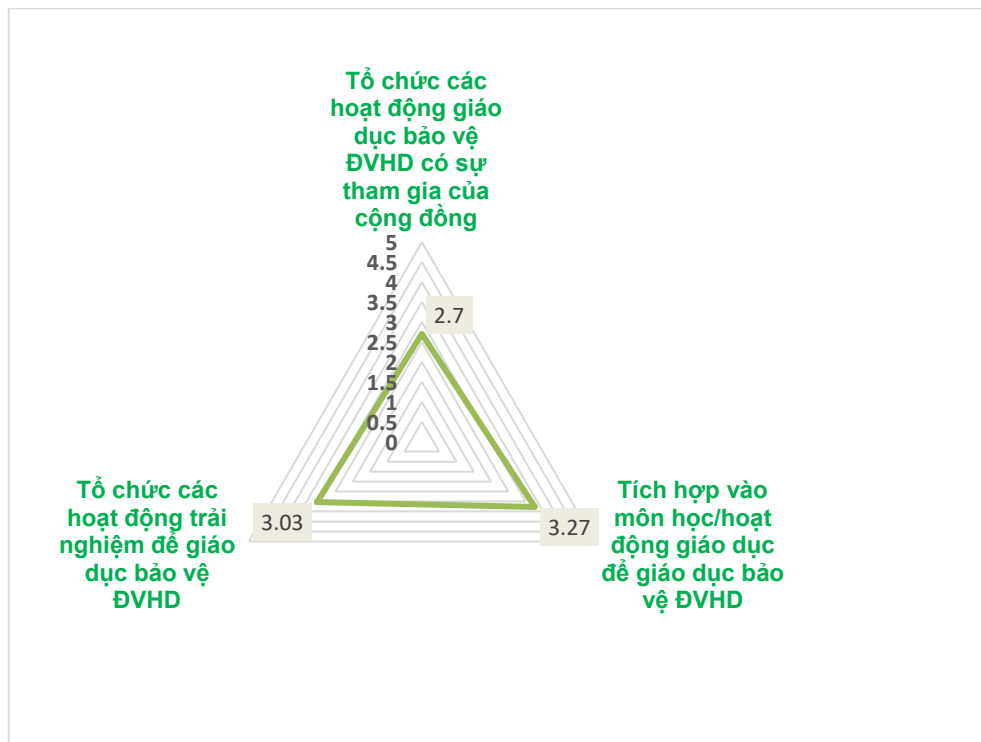
Tọa đàm CBQL, Trường Tiểu học Chu Văn An, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk

Để hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD đạt hiệu quả, giáo viên phải linh hoạt, sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trên cơ sở định hướng theo tài liệu giáo dục của Bộ GD&ĐT, giáo viên linh hoạt tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD học một cách sáng tạo để học sinh nâng cao được năng lực và thái độ về bảo vệ ĐVHD. Biểu đồ dưới đây thể hiện sự đánh giá của đội ngũ CBQL đối với Giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD



Biểu đồ: Điểm trung bình của CBQL đánh giá về năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của giáo viên

Biểu đồ cho thấy, rất ít CBQL cho rằng giáo viên “không có năng lực” trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD mà chủ yếu đánh giá ở mức “có năng lực đảm bảo thực hiện được (khoảng 35%)”. Tuy nhiên vẫn có khoảng 25% số lượng CBQL cho rằng GV có năng lực nhưng còn hạn chế trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD; Tỷ lệ này xấp xỉ với ý kiến “có năng lực tốt”.



Biểu đồ thể hiện điểm trung bình cũng cho thấy, các giáo viên đều được CBQL đánh giá ở mức “có năng lực đảm bảo thực hiện được” các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD với mức điểm trung bình từ 2.7 đến 3.27.

Giáo viên của nhà trường đã có nhiều hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã qua trải nghiệm, mặc dù chưa phải là chuyên đề riêng

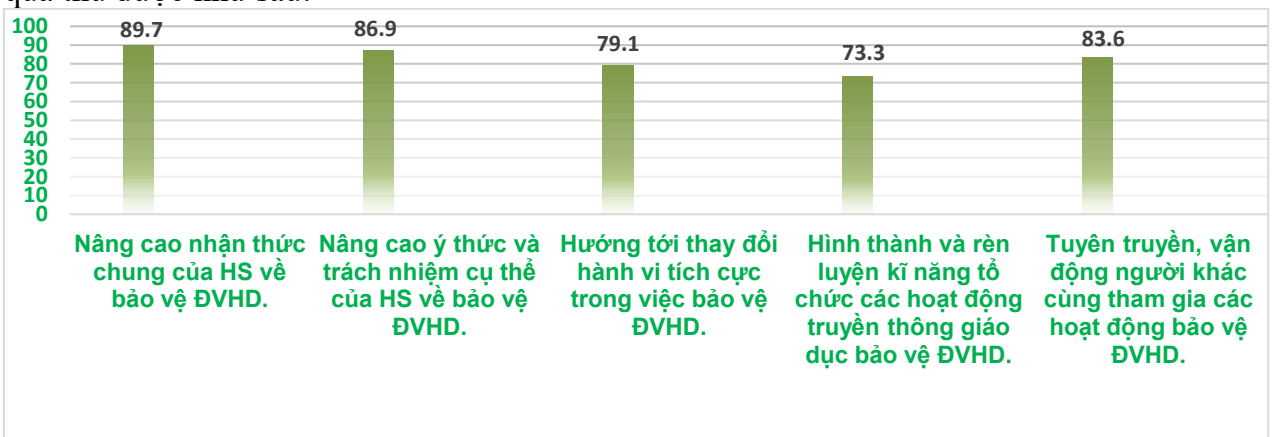
dành cho giáo dục động vật hoang dã nhưng qua các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường nói chung, các em học sinh cũng đã có kiến thức và ý thức, thái độ đúng đắn hơn với môi trường sinh thái, yêu quý và tôn trọng thế giới động vật, đặc biệt nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của của hoạt động này. Các sản phẩm thu nhận qua các hoạt động này thường là sân khấu hóa, tranh vẽ, văn nghệ, hùng biện. Các cuộc thi này học sinh rất hào hứng và phải nói rằng các em rất sáng tạo. Những cách giáo dục này cũng làm cho học sinh dễ tiếp thu kiến thức hơn.

PVS với CBQL trường THPT Nguyễn Công Trứ, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

4. Thực trạng hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD của nhà trường, cộng đồng

4.1. Mục tiêu cơ bản các của hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Đối với mục tiêu cơ bản của các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, nhóm nghiên cứu đã thiết kế các câu hỏi trong phiếu hỏi để khảo sát CBQL và GV. Kết quả thu được như sau:



Biểu đồ: Mục tiêu cơ bản các của hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Quan sát biểu đồ có thể thấy, CBQL và GV đánh giá mục tiêu “Nâng cao nhận thức chung của HS về bảo vệ ĐVHD” ở mức độ cao nhất là 89.7%, tiếp theo là mục tiêu “Nâng cao ý thức và trách nhiệm cụ thể của HS về bảo vệ ĐVHD” (86.9%) và “Tuyên truyền, vận động người khác cùng tham gia các hoạt động bảo vệ ĐVHD”. Hai mục tiêu được đánh giá thấp hơn là “Hướng tới thay đổi hành vi tích cực trong việc bảo vệ ĐVHD” (79.1%) và “Hình thành và rèn luyện kĩ năng tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD” (73.3%).

- “Mục tiêu hướng đến: giáo dục ý thức yêu quý, trân trọng những giá trị mà động/thực vật mang đến cho cuộc sống của chúng ta đồng thời có ý thức bảo vệ, giữ gìn chúng”.

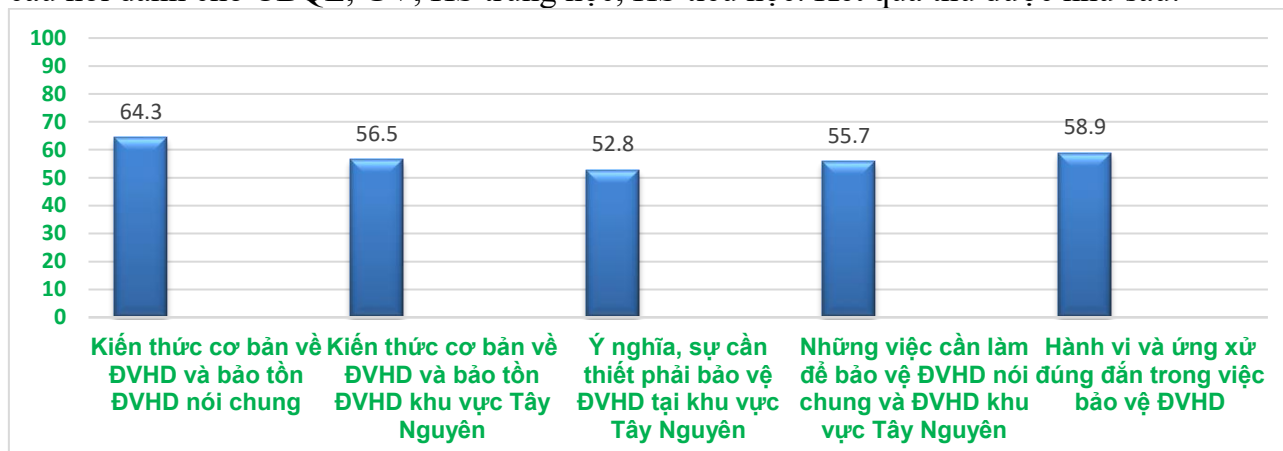
- “Mục tiêu là tăng cường khả năng nhận thức của GV, HS về việc bảo tồn ĐVHD, cũng như giáo dục ý thức bảo vệ ĐVHD ở HS”.

PVS CBQL huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

4.2. Thực trạng tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

4.2.1. Nội dung của các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Đối với nội dung của các hoạt động truyền thông, nhóm nghiên cứu đã thiết kế câu hỏi dành cho CBQL, GV, HS trung học, HS tiểu học. Kết quả thu được như sau:



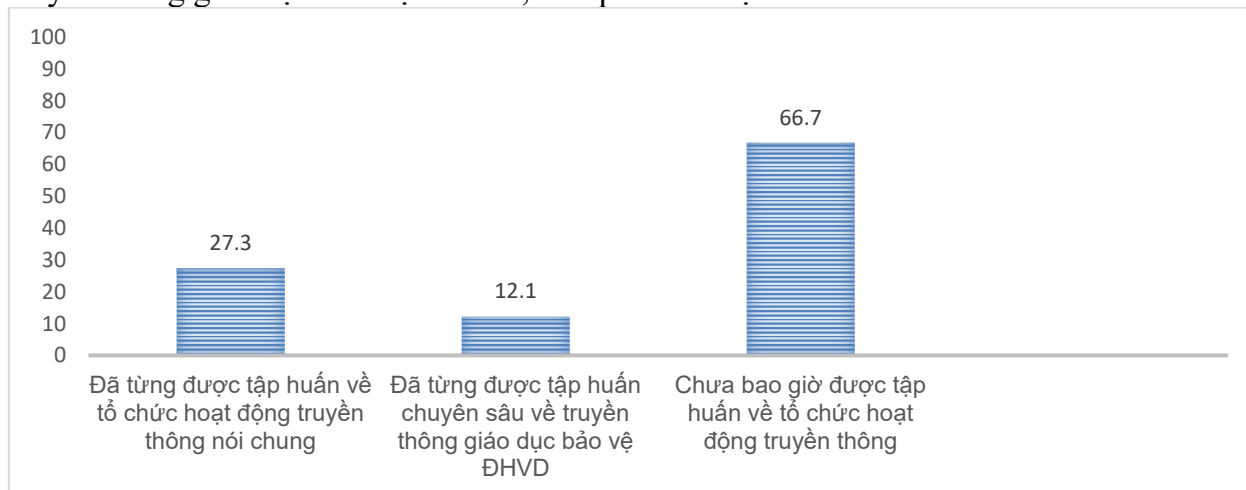
Biểu đồ: Nội dung các hoạt động truyền thông đã tổ chức

Dựa trên kết quả khảo sát, có thể thấy, nội dung “Kiến thức cơ bản về ĐVHD và bảo tồn ĐVHD nói chung” có mức độ phổ biến nhất trong các hoạt động truyền thông với tỉ lệ lựa chọn là 64.3%. Các nội dung còn lại có mức độ chênh lệch không nhiều (trong khoảng từ 52.8% đến 58.9%).

4.2.2. Hoạt động tập huấn về tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

a) Kinh nghiệm tập huấn của GV về tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Đối với câu hỏi dành cho CBQL về hoạt động tập huấn về tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, kết quả thu được như sau:



Biểu đồ: Kinh nghiệm tập huấn của GV về tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Như vậy, theo CBQL, đa số GV chưa bao giờ được tập huấn về tổ chức hoạt động truyền thông, tỉ lệ này chiếm 66.7%. Còn lại, có 27.3% GV đã từng được tập huấn về tổ chức hoạt động truyền thông nói chung và chỉ 12.1% GV đã từng được tập huấn chuyên sâu về truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD.

- “Giáo viên của nhà trường chưa từng được tập huấn về tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD”.

PVS, CBQL, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

- “Hiện nay, đã có những chương trình tập huấn cho GV về bảo vệ môi trường tuy nhiên việc GV chưa được tập huấn nội dung bảo vệ ĐVHD”.

- “Nguồn tài liệu, tập huấn cho GV về việc tích hợp nội dung GDBV trong dạy học chưa có”.

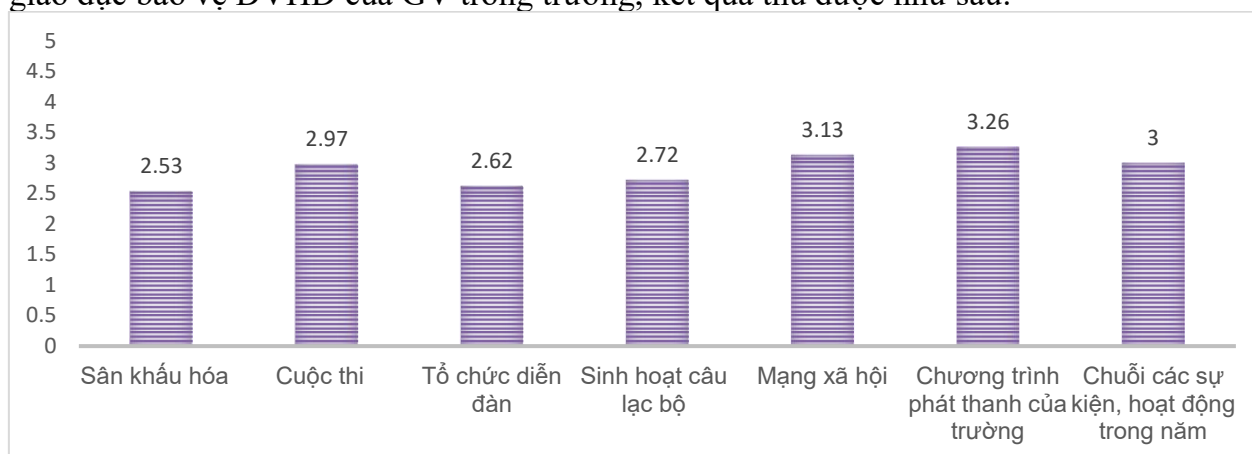
- “Tập huấn bảo vệ môi trường nói chung đã có, còn về ĐVHD chưa có”.

- “Hiểu biết của GV còn hạn chế - Thầy cô cần được trang bị kiến thức để triển khai vững vàng đề bồi dưỡng kiến thức để HS nhận thức đúng, sâu về ĐVHD thật toàn diện”.

Tọa đàm CBQL, Lâm Đồng

b) Năng lực tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của GV

Đối với câu hỏi dành cho CBQL về năng lực tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của GV trong trường, kết quả thu được như sau:



Biểu đồ: Năng lực tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của GV

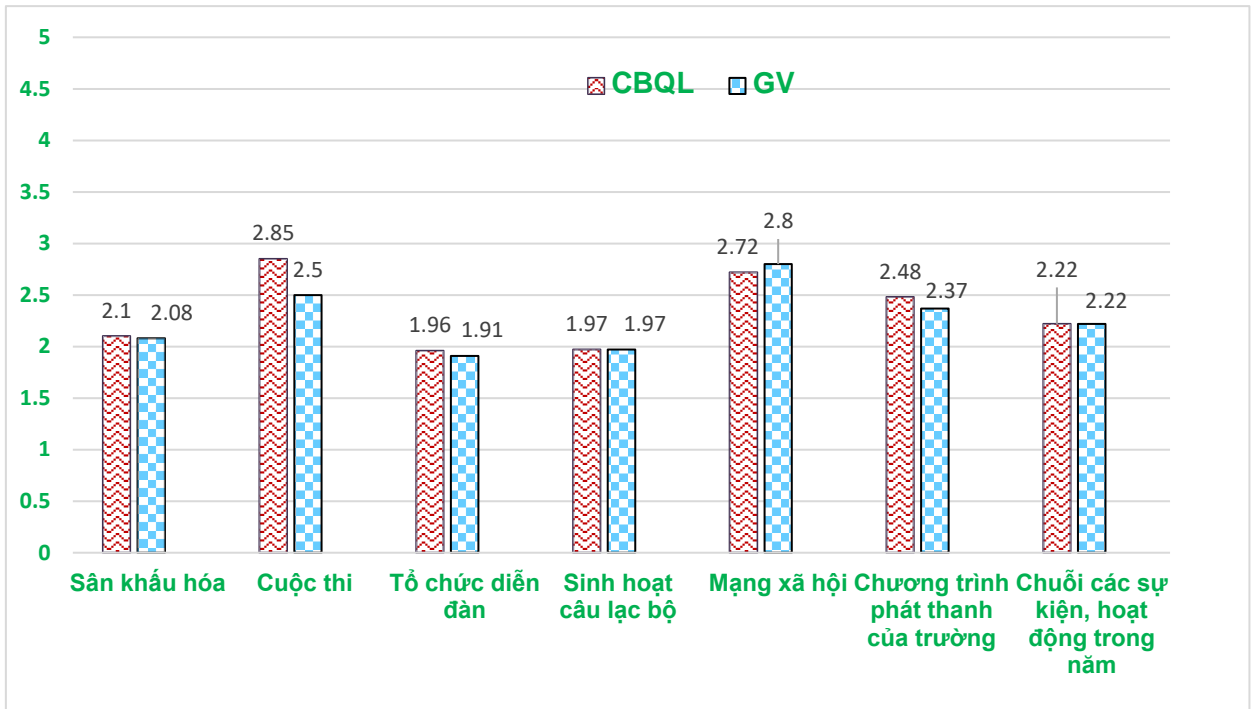
Như vậy có thể thấy, theo đánh giá của CBQL, những năng lực tổ chức hoạt động truyền thông của GV trong trường không có quá nhiều sự chênh lệch. Đối với mức độ đạt chung, đa số CBQL đánh giá năng lực tổ chức của GV trong trường là mức 3, chỉ có năng lực tổ chức hoạt động sân khấu hóa là ở mức 2. Năng lực tổ chức của GV được đánh giá ở mức cao nhất là 3.26 đối với năng lực tổ chức hoạt động truyền thông qua chương trình phát thanh của trường. Năng lực tổ chức của GV được đánh giá ở mức thấp nhất là năng lực tổ chức hoạt động truyền thông sân khấu hóa với mức đánh giá là 2.53.

“Chúng tôi cho rằng giáo viên có khả năng tích hợp vào môn học/hoạt động giáo dục để giáo dục bảo vệ ĐVHD cũng như có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD”.

PVS CBQL huyện Krông Pắc, tỉnh Đak Lăk

4.2.3. Các hình thức tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

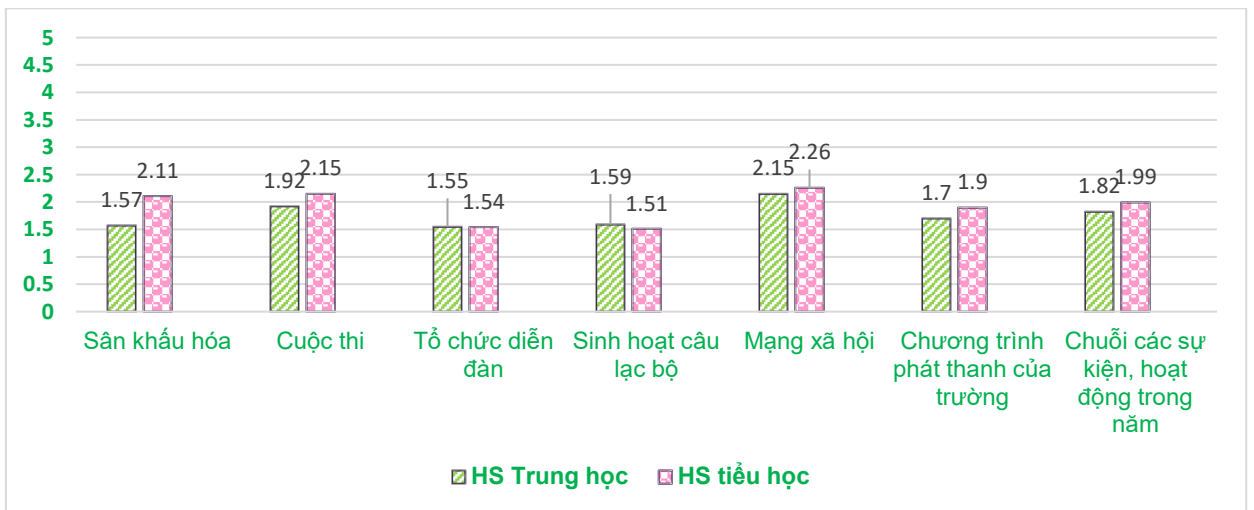
a) Mức độ thực hiện các hình thức truyền thông



Biểu đồ: Điểm trung bình về mức độ thực hiện các hình thức truyền thông

Như vậy có thể thấy, hai hình thức truyền thông được CBQL và GV lựa chọn nhiều nhất là “Truyền thông qua mạng xã hội” (2.72 và 2.8) và Tổ chức cuộc thi (2.85 và 2.5). Các hình thức tổ chức cuộc thi được nhắc đến ở đây bao gồm nhiều hình thức như thi viết, vẽ, chụp ảnh, làm video clip,...

Hai hình thức truyền thông có tỉ lệ CBQL và GV lựa chọn ít nhất là “Tổ chức diễn đàn” (1.96 và 1.91) và “Sinh hoạt câu lạc bộ” (1.97 và 1.97).



Biểu đồ: Điểm trung bình về mức độ thực hiện những hình thức truyền thông của HS Trung học và HS tiểu học

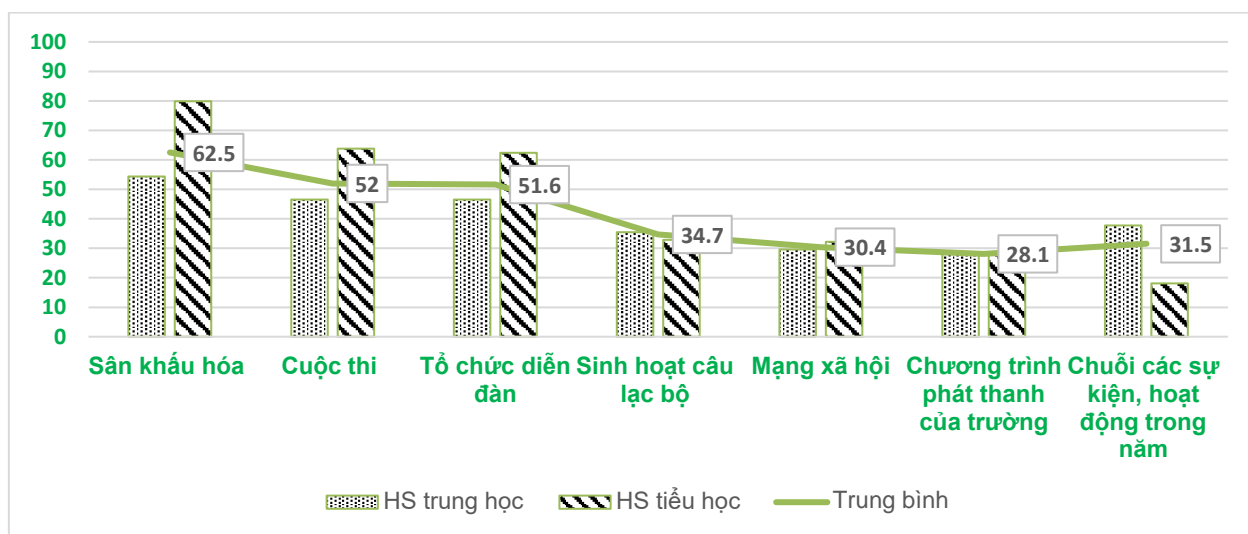
Đối với HS, hai hình thức truyền thông được HS trung học và HS tiểu học lựa chọn nhiều nhất là “Truyền thông qua mạng xã hội” (2.15 và 2.26) và “Tổ chức cuộc thi” (1.92 và 2.15).

Hai hình thức truyền thông có tỉ lệ CBQL và GV lựa chọn ít nhất là “Tổ chức diễn đàn” (1.55 và 1.54) và “Sinh hoạt câu lạc bộ” (1.59 và 1.51).

Kết quả này hoàn toàn tương đồng với kết quả khảo sát thu được ở phiếu dành cho CBQL và GV.

Qua quá trao tọa đàm, phỏng vấn sâu, nhóm nghiên cứu cũng nhận thấy, việc sinh hoạt câu lạc bộ truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD hầu như chưa có. Các trường học có hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, nhưng chủ yếu là các câu lạc bộ liên quan đến các hoạt động văn hóa, văn nghệ hoặc câu lạc bộ Tiếng Anh, Toán, chưa có câu lạc bộ về bảo vệ môi trường nói chung hay câu lạc bộ truyền thông bảo vệ ĐVHD nói riêng. Theo chia sẻ của CBQL và GV các nhà trường ở Đăk Lăk và Lâm Đồng, một số hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD đã thực hiện như: tuyên truyền dưới cờ, vẽ tranh, các cuộc thi do đoàn đội tổ chức: rác thải tái chế, cuộc thi thời trang giấy,...

b) Hình thức truyền thông phù hợp trong giáo dục bảo vệ ĐVHD



Biểu đồ: Ý kiến của HS về hình thức truyền thông phù hợp trong giáo dục bảo vệ ĐVHD

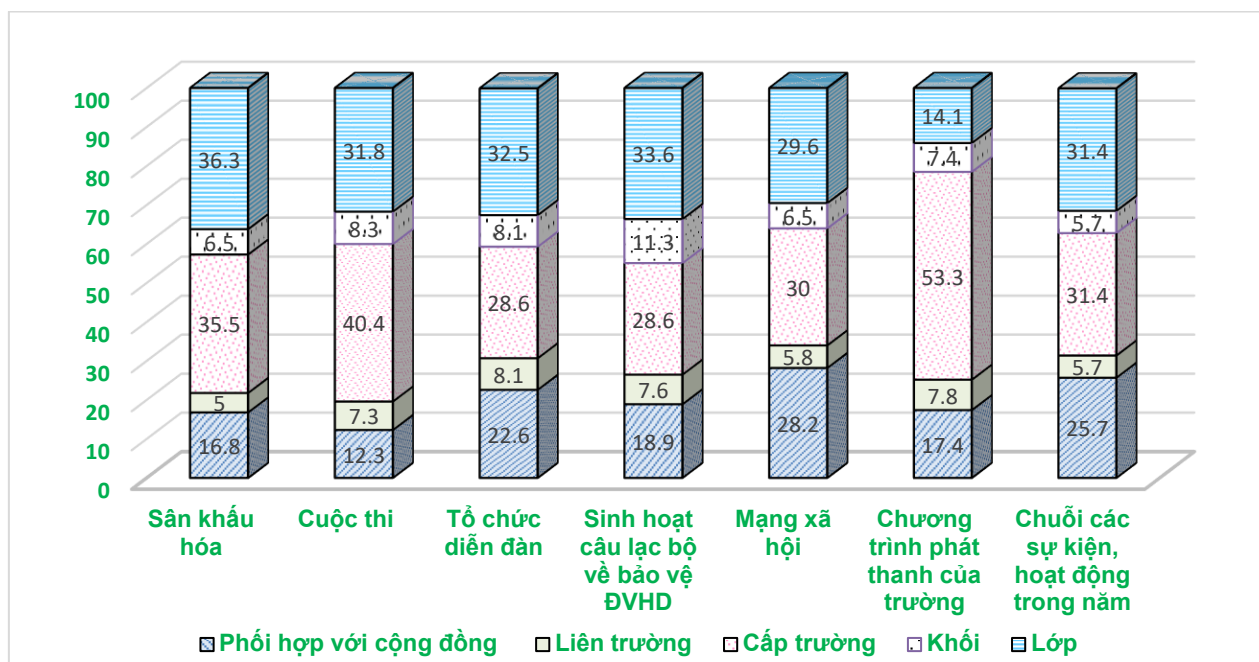
Theo ý kiến của HS, hình thức truyền thông phù hợp trong giáo dục bảo vệ ĐVHD là sân khấu hóa, với tỉ lệ lựa chọn trung bình là 62.5%, tiếp đến là tổ chức cuộc thi (52%), tổ chức diễn đàn (51.6%). Hình thức HS cho là ít phù hợp nhất là truyền thông qua chương trình phát thanh của trường (28.1%).

- Em thích xem ĐVHD trên ti vi, mạng Internet.
 - Em thích vẽ tranh.
 - Em thích chụp ảnh.
 - Em thích tham gia các cuộc thi.
 - Em thích đánh đàn.
 - Em thích tham gia câu lạc bộ.
 - Em thích cách học thông qua hoạt động truyền thông hơn. Vì nó vui hơn, có thời gian để bạn bè cùng thảo luận.
 - Em muốn trường tổ chức cuộc thi tạo các video về bảo vệ ĐVHD, như thế chúng em vừa được tự do sáng tạo, vừa được tìm hiểu nhiều thông tin.
- Tọa đàm HS, huyện Krông Pắc, Đăk Lăk

c) Phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS

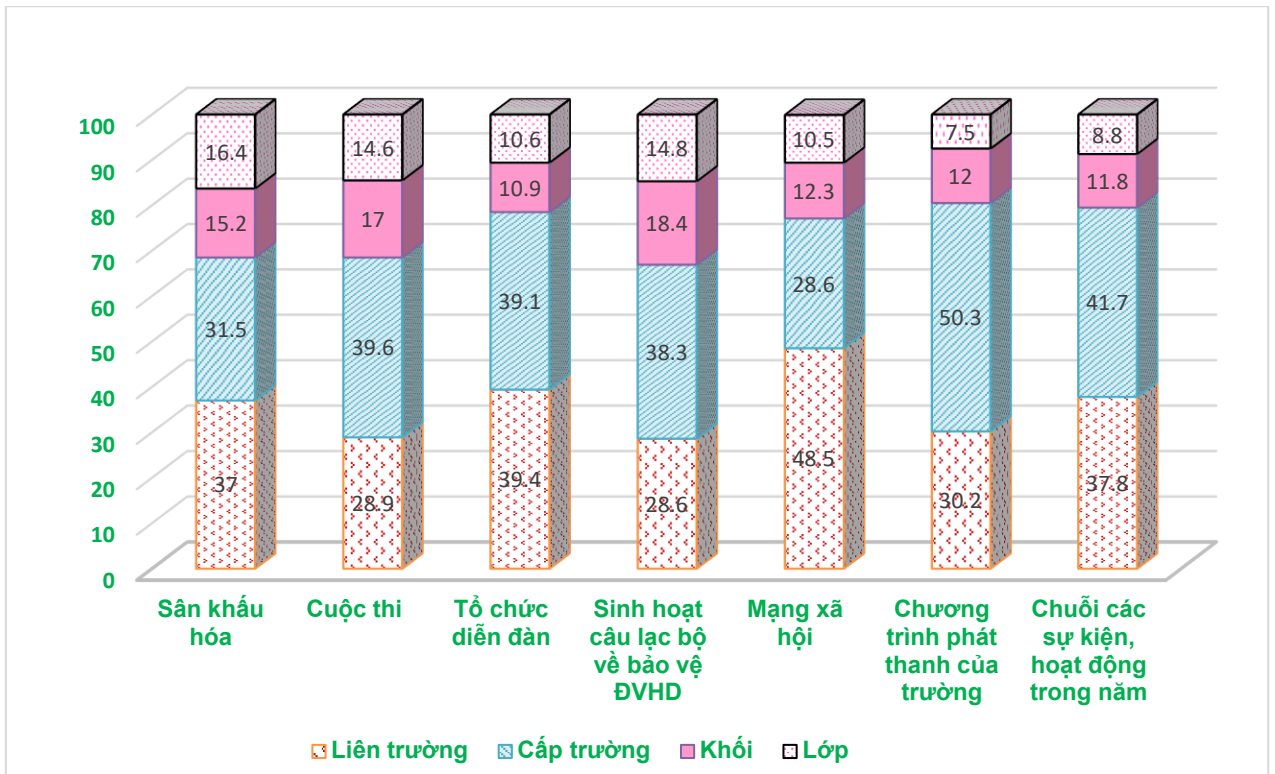
Đối với câu hỏi về phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD dành cho CBQL và GV, hai quy mô được CBQL và GV lựa chọn nhiều nhất là cấp lớp và cấp trường. Đối với hình thức sân khấu hóa, tỉ lệ lựa chọn là 36.3% và 35.5%; đối với hình thức tổ chức cuộc thi, tỉ lệ lựa chọn là 31.8% và 40.4%. Đối với hình thức Tổ chức diễn đàn, tỉ lệ lựa chọn là 32.5% và 28.6%. Đối với hình thức sinh hoạt câu lạc bộ về bảo vệ ĐVHD, tỉ lệ lựa chọn là 33.6% và 28.6%. Đối với hình thức truyền thông qua chương trình phát thanh của trường, tỉ lệ lựa chọn là 14.1% và 53.4%. Hình thức này cũng có sự phối hợp với cộng đồng với tỉ lệ lựa chọn là 17.4%. Đặc thù của hình thức truyền thông qua chương trình phát thanh của trường chủ yếu được tổ chức ở phạm vi trong trường hình thức này liên quan liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường và phạm vi hoạt động của hệ thống phát thanh trong trường. Trường sẽ chia lịch phụ trách hoạt động truyền thanh đến các lớp theo chủ đề từng tháng được thống nhất trong kế hoạch. Đối với hình thức truyền thông qua chuỗi các sự kiện, hoạt động trong năm, tỉ lệ lựa chọn là 31.4% và 31.4%.

Quy mô tổ chức ít phổ biến hơn của các hoạt động truyền thông đó là quy mô liên trường và quy mô khối với tỉ lệ CBQL và GV lựa chọn ít nhất, dao động trong tỉ lệ từ 5% đến 11.3%.



Biểu đồ: Ý kiến của CBQL, GV về phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Theo ý kiến của HS trung học, đối với phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, HS thích được tổ chức ở quy mô liên trường và cấp trường, phạm vi khối và lớp ít được HS lựa chọn hơn. Kết quả khảo sát được thể hiện ở biểu đồ sau:



Biểu đồ: Ý kiến của HS trung học về phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Trong quá trình trao đổi, tọa đàm với HS, nhóm nghiên cứu cũng nhận được những phản hồi của HS về quy mô và phạm vi tổ chức các hoạt động truyền thông mà các em mong muốn. Một số ý kiến của HS, nhóm nghiên cứu trích dẫn ở hộp dưới đây:

Phạm vi trường:

- “Chúng em thích đi cả trường vì chúng em có rất nhiều bạn ở các lớp khác nhau. Đi cùng nhau rất vui”.
- “Em thích đi cả trường, cả trường đi vui hơn, tăng tinh thần đoàn kết”.
- “Em thích quy mô toàn trường hơn, nó làm toàn trường sẽ đông vui hơn”.
- “Em thích phạm vi toàn trường vì như thế mới đông vui, quy mô toàn trường, vì nó đủ lớn để tạo ra ảnh hưởng, vừa đủ nhỏ để dễ quản lí”.

Tọa đàm HS, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

Phạm vi khối lớp:

- “Em thích phạm vi Khối lớp vì cùng tuổi, dễ trao đổi, dễ nói chuyện”.

Tọa đàm HS THPT, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

Phạm vi lớp:

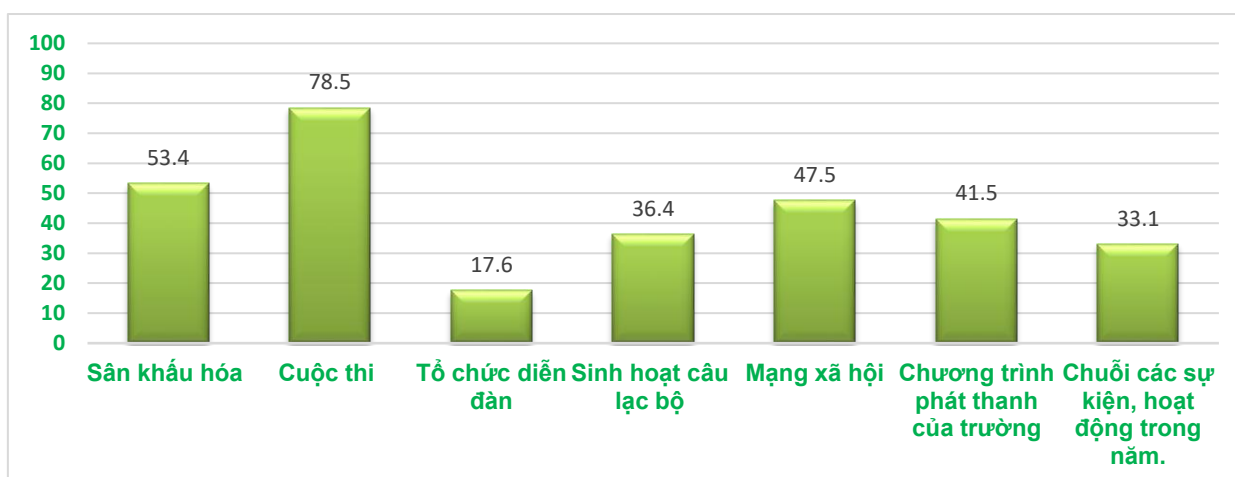
- “Mỗi hình thức tổ chức với em đều tốt, đều vui. Ở trường thì rất đông nhưng nếu ở lớp rất có thể phải lắng nghe nhiều hơn vì GV có thể gọi hỏi bài. Nhưng ở lớp toàn bạn bè quen, ít bạn nên dễ nghe hơn”.

- Em thích phạm vi trong lớp vì ở lớp có thể quản lí các bạn tham gia hoạt động, có thể tự tin hơn, các bạn đều phải tham gia. Ở khối hoặc trường thì có người hiểu, có người không hiểu, có người tham gia, có người không.

- “Em thích phạm vi lớp vì ít người, nếu có GV hướng dẫn thì các bạn sẽ tham gia 100%, các bạn sẽ tự tin hơn”.

Tọa đàm HS THPT, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

d) Hiệu quả của các hình thức truyền thông



Biểu đồ: Ý kiến của CBQL và GV về hiệu quả của các hình thức truyền thông trong việc giáo dục HS về bảo vệ ĐVHD

Theo kết quả khảo sát, hình thức tổ chức cuộc thi được CBQL và GV lựa chọn với tỉ lệ nhiều nhất là 78.5%, hình thức có tỉ lệ lựa chọn nhiều thứ hai là hình thức sân khấu hóa (53.4%). Các hình thức khác có tỉ lệ lựa chọn như sau: Mạng xã hội (47.5%); Chương trình phát thanh của trường (41.5%); sinh hoạt câu lạc bộ (36.4%); chuỗi các sự kiện, hoạt động trong năm (33.1%). Hình thức truyền thông có tỉ lệ lựa chọn thấp nhất là tổ chức diễn đàn (17.6%).

- “Hình thức hiệu quả nhất là cuộc thi vì HS được tham gia trực tiếp”.

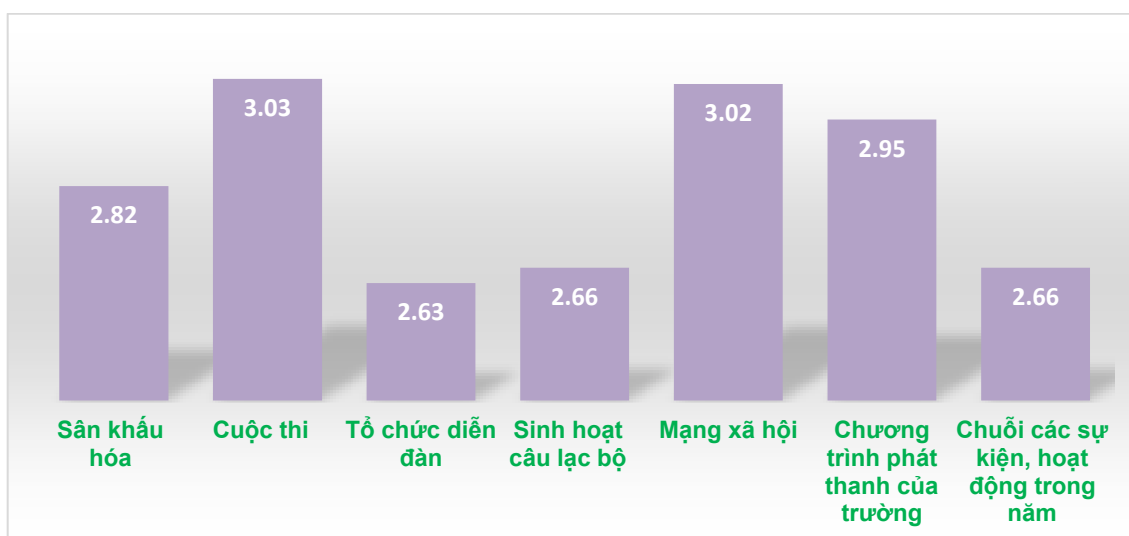
- “Tọa đàm, nói chuyện chuyên đề thì tổ chức phải cần có kinh phí”.

Tọa đàm GV THCS, Lâm Đồng

4.2.4. Mức độ tham gia của HS đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

a) Mức độ tích cực của HS khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Khảo sát ý kiến của GV về mức độ tích cực của HS khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, kết quả khảo sát như sau:



Biểu đồ: Ý kiến của GV về mức độ tích cực của HS

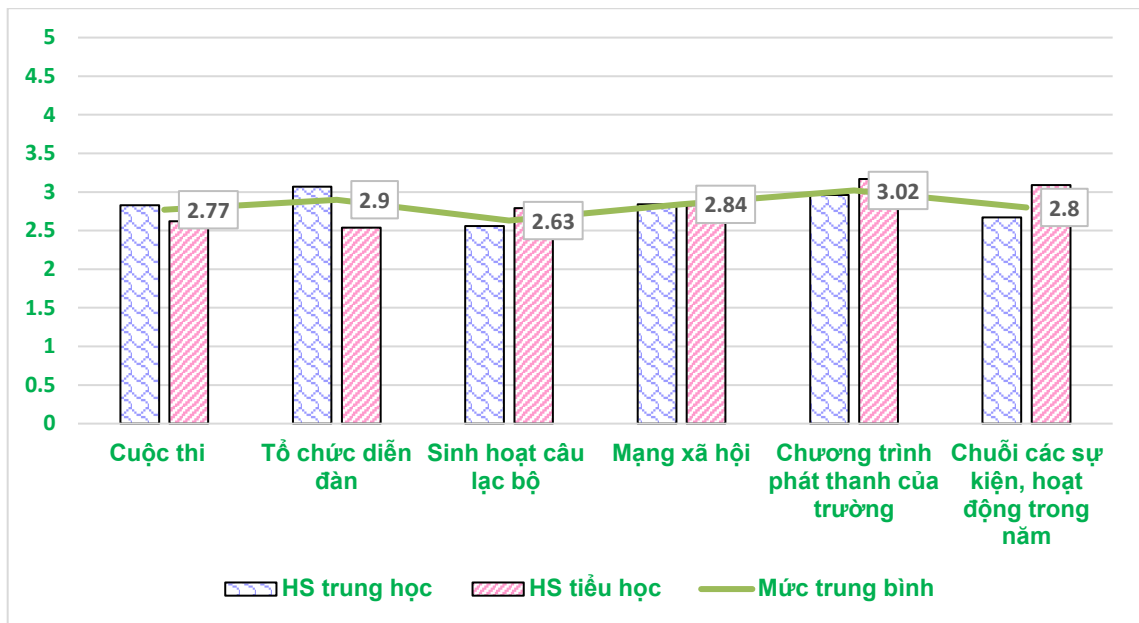
khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Hai hoạt động truyền thông được GV đánh giá là có mức độ tham gia của HS cao nhất là truyền thông thông qua các cuộc thi (mức 3.03) và truyền thông qua mạng xã hội (mức 3.02). Ba hình thức ít có sự tham gia của HS nhất là sinh hoạt câu lạc bộ (mức 2.66), truyền thông qua chuỗi các sự kiện, hoạt động trong năm (mức 2.66) và tổ chức diễn đàn (mức 2.63).

“Một số hoạt động mà nhà trường đã triển khai hoạt động liên quan đến giáo dục bảo vệ ĐVHD như: Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về bảo vệ ĐVHD cho học sinh; Phối hợp với địa phương (khu bảo tồn, hạt kiểm lâm...) tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại; Phát động các phong trào vẽ tranh ảnh, pano cổ động, đọc sách... về bảo vệ ĐVHD. Tuy nhiên do nhiều vấn đề từ kinh phí, thời gian và các điều kiện khách quan khác nên những hoạt động này ít khi tổ chức. Tuy nhiên, mỗi lần có hoạt động thì đều lôi cuốn, thu hút học sinh và giáo viên tham gia”.

Tọa đàm GV, huyện Krông Pắc, Đăk Lăk.

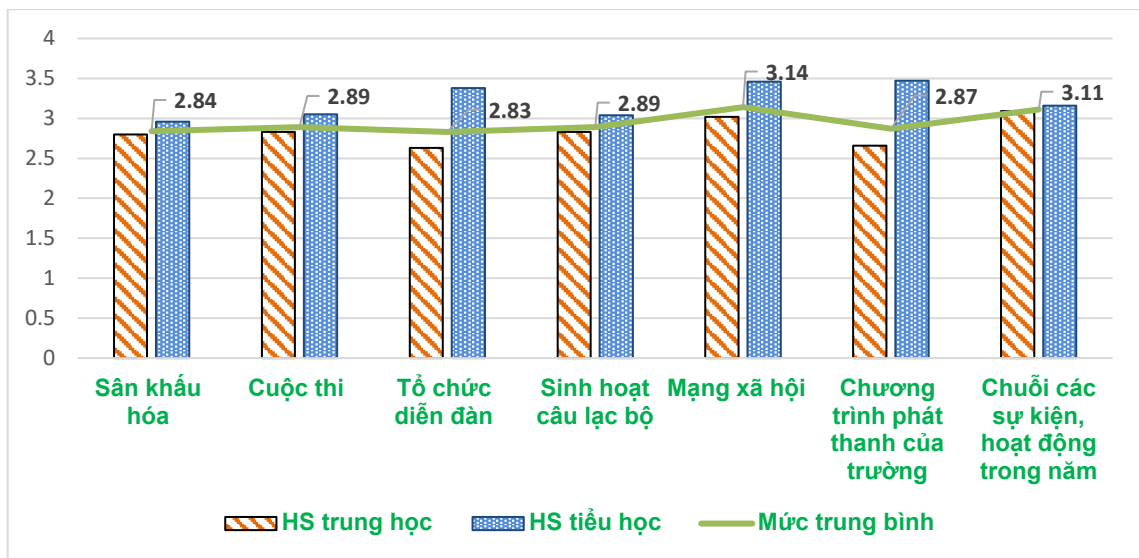
Đối với kết quả khảo sát HS trung học và HS tiểu học, mức độ tích cực của HS khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD đối với các hoạt động khác nhau không có quá nhiều sự chênh lệch. Mức độ tích cực được HS đánh giá ở mức cao nhất (mức 3.02) đối với hoạt động truyền thông thông qua chương trình phát thanh của trường, và ít tích cực nhất đối với hoạt động truyền thông sinh hoạt câu lạc bộ (mức 2.63). Kết quả được thể hiện chi tiết ở biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ: Ý kiến của HS về mức độ tích cực

khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ

b) Mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ



Biểu đồ: Ý kiến của HS về mức độ hứng thú của HS

đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ

Theo kết quả khảo sát, mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ từng tham gia đều ở mức độ 3. Trong đó có hai hoạt động được HS trung học và HS tiểu học đánh giá ở mức độ hứng thú cao nhất là truyền thông qua mạng xã hội (mức 3.14) và truyền thông qua chuỗi các sự kiện, hoạt động trong năm (mức 3.11).

“Em được tham gia đóng kịch với các bạn trong lớp: Trường tổ chức, mỗi lớp một tiết mục. Lớp em là tiết mục hóa trang, các bạn hóa trang

thành các con động vật. Năm ngoái, bọn em tự viết kịch bản, cô giáo hướng dẫn. HS tự đóng vai các con vật. Tham gia hoạt động rất vui”.

Tọa đàm HS tiểu học, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk

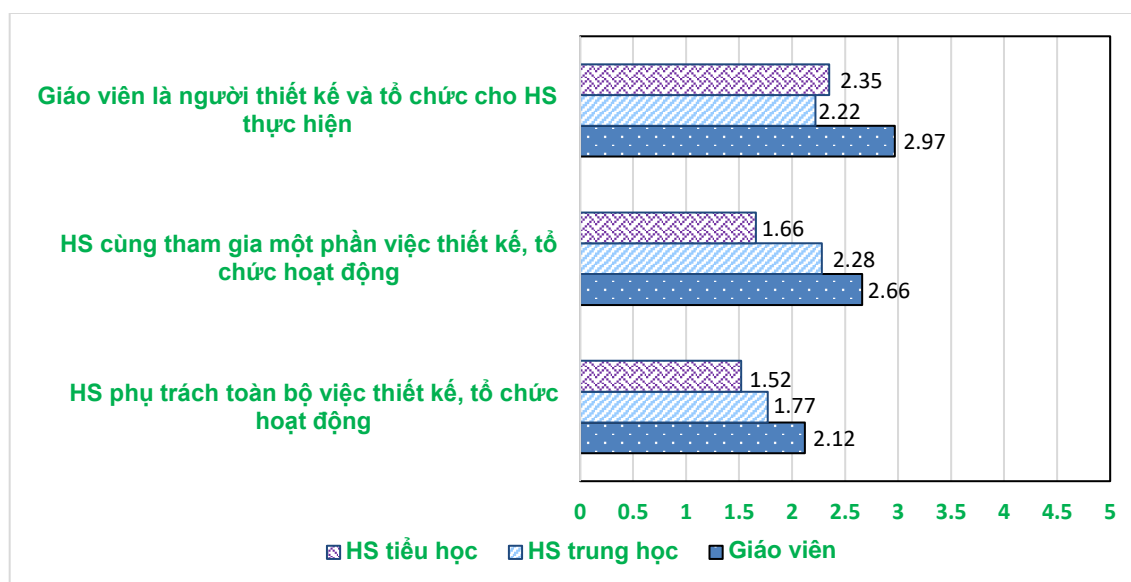
- “Em thích tham gia hoạt động hơn. Vì tham gia hoạt động thì HS được tự tìm hiểu hoạt động, thay vì GV là người nói, HS chỉ là người nghe”.

- “Tham gia hoạt động thì HS có thể tự do, thỏa sức sáng tạo, không bị gò bó trong các giờ học”.

Tọa đàm HS THPT, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk

4.2.5. Vai trò của HS trong các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ

a) Vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ



Biểu đồ: Vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông

Theo kết quả khảo sát, vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông, phương án “GV là người thiết kế và tổ chức cho HS thực hiện” được GV, HS trung học và HS tiểu học có mức độ lựa chọn nhiều nhất với mức độ lần lượt là 2.97, 2.22 và 2.35; tiếp theo là phương án “HS cùng tham gia một phần việc thiết kế, tổ chức hoạt động” với mức độ lần lượt là 2.66, 2.28 và 1.66. Phương án “HS phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động” có mức độ lựa chọn ít nhất với mức độ lần lượt là 2.12, 1.77 và 1.52.

Đối với kết quả khảo sát của giáo viên, vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông được thể hiện như sau: Mức độ “HS phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động” có điểm trung bình thấp nhất trong lựa chọn của GV (2.12); mức độ “HS cùng tham gia một phần việc thiết kế, tổ chức hoạt động” ở với mức trung

2.66; và mức độ “Giáo viên là người thiết kế và tổ chức cho HS thực hiện” có điểm trung bình cao nhất (2.97).

Tương tự đối với kết quả của HS, mức độ “HS phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động” được hai nhóm HS trung học và tiểu học lựa chọn có điểm trung bình thấp nhất (1.77 đối với HS trung học và 1.52 với HS tiểu học).

Trong quá trình tọa đàm với HS, nhiều em mong muốn được tự làm, từ thiết kế đến tổ chức hoạt động truyền thông, vì theo các em, HS được tự làm sẽ cảm thấy thoải mái hơn.

- “Em thích tự làm. Mình tự làm thì thấy tự lập, thoải mái hơn, dũng cảm hơn, ba mẹ đỡ mệt, thầy cô đỡ vất vả”.

- “Em thích được tự mình làm bởi vì không bị ràng buộc. Tự làm thấy vui vì sản phẩm tự tay mình làm ra”.

- “Tự làm thì em thấy tự tin hơn, các bạn cũng được rèn luyện sự tự tin”.

- “HS được tự làm thì thấy chủ động hơn, tự tin hơn, thầy cô chỉ cần hướng dẫn, không cần làm thay, đỡ phải nói nhiều”.

Tọa đàm, HS tiểu học, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

- “Theo em, HS từ lớp 6 cũng có thể có khả năng để trực tiếp tham gia vào quá trình thiết kế, thực hiện, đánh giá một hoạt động truyền thông về bảo vệ ĐVHD vì việc tham gia vào toàn bộ các khâu của một hoạt động truyền thông như vậy có lợi ích với bản thân HS, giúp HS có thể tự tin, mở rộng kiến thức”.

Tọa đàm, HS THCS, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

- “Bọn em tự làm được”.

- “Tự làm thì em thấy thoải mái hơn, phát triển tư duy, tự lập hơn”.

Tọa đàm, HS THPT, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

Nếu như đối với nhóm HS trung học, mức độ “HS phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động” có điểm trung bình cao nhất (2.28 so với các mức độ còn lại là 2.22 và 1.77), thì nhóm HS tiểu học chọn “Giáo viên là người thiết kế và tổ chức cho HS thực hiện” là mức độ có điểm trung bình cao nhất (2.35 so với 1.66 và 1.52).

“Em vừa muốn trực tiếp tham gia vào tổ chức hoạt động truyền thông, vừa muốn cô giáo hướng dẫn”.

Tọa đàm, HS tiểu học, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

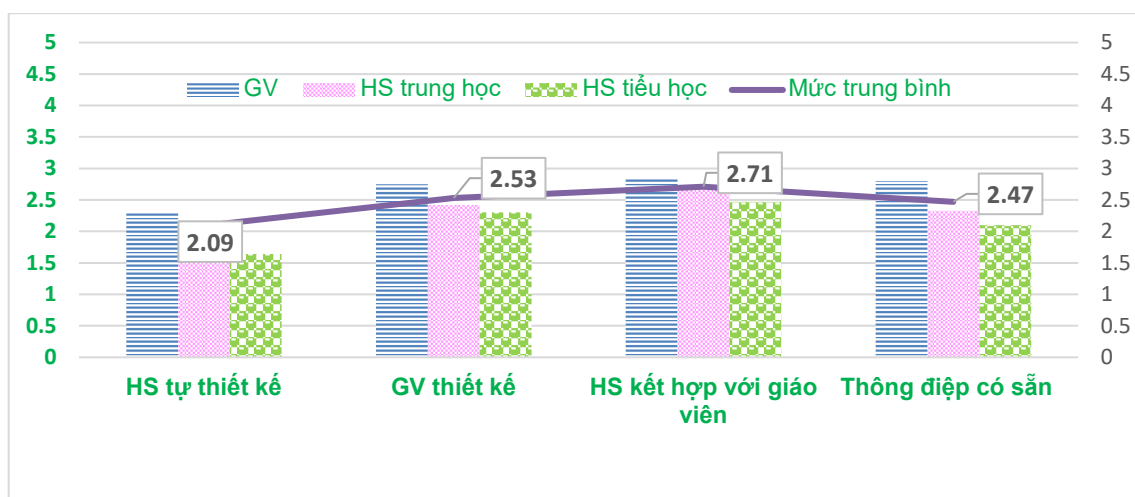
- “Em thấy có GV hướng dẫn cũng tốt, còn HS sẽ tự làm”.

Tọa đàm, HS THPT, huyện Krông Pắc, Đak Lăk

Kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng giáo viên, học sinh trung học và học sinh tiểu học đối với các nội dung: Học sinh phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động (sig.= 0.000); Học sinh cùng tham gia một phần việc thiết kế, tổ chức hoạt động (sig.= 0.000); giáo viên là người thiết kế và tổ chức cho học sinh thực hiện (sig.= 0.000).

Như vậy có thể thấy, trong thực tế mức độ HS phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động là ít phổ biến hơn, học sinh trung học chủ động hơn HS tiểu học trong việc tham gia một phần việc thiết kế, tổ chức hoạt động. Kết quả này phù hợp với đặc điểm học tập, nhận thức và sự trưởng thành hơn về kỹ năng của HS trung học so với HS tiểu học.

b) Người thiết kế các thông điệp trong các hoạt động truyền thông



Biểu đồ: Người thiết kế các thông điệp trong các hoạt động truyền thông

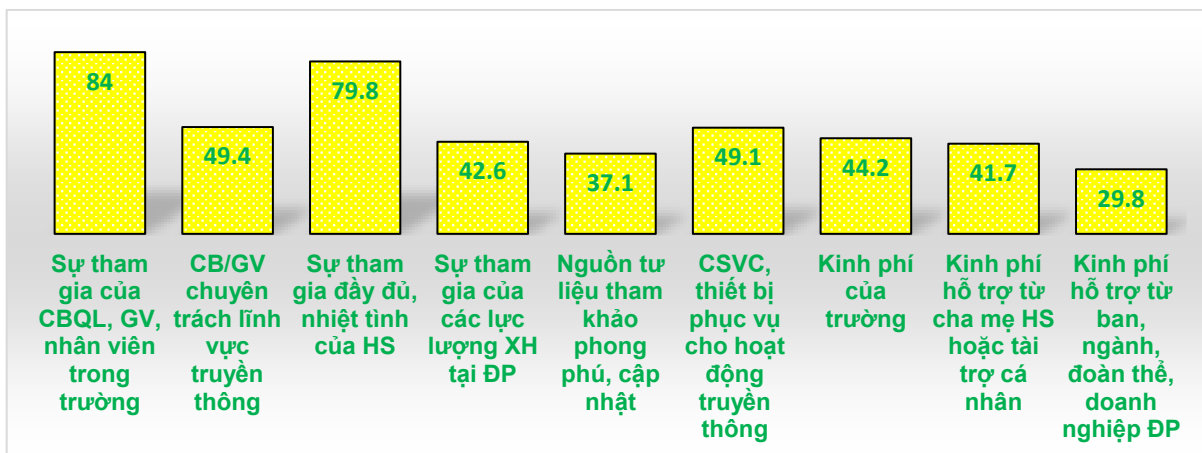
Theo kết quả khảo sát về mức trung bình trong các lựa chọn của GV, HS trung học và HS tiểu học đối với các phương án người thiết kế các thông điệp truyền thông trong các hoạt động truyền thông như sau: Phương án “HS kết hợp với GV” được lựa chọn nhiều nhất với mức trung bình là 2.71, tiếp theo là phương án “GV thiết kế” (2.53) “Thông điệp có sẵn” (2.47), HS tự thiết kế (2.09). Như vậy, mức độ HS chủ động tự thiết kế các thông điệp được đánh giá là ít phổ biến nhất.

Kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng giáo viên, học sinh trung học và học sinh tiểu học đối với các nội dung: Học sinh tự thiết kế (sig.= 0.000); Giáo viên thiết kế (sig.= 0.000); học sinh kết hợp với giáo viên (sig.= 0.008) và thông điệp có sẵn (của chương trình, hoạt động truyền thông) (sig.= 0.000).

4.3. Sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

4.3.1. Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

a) Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của các nhà trường

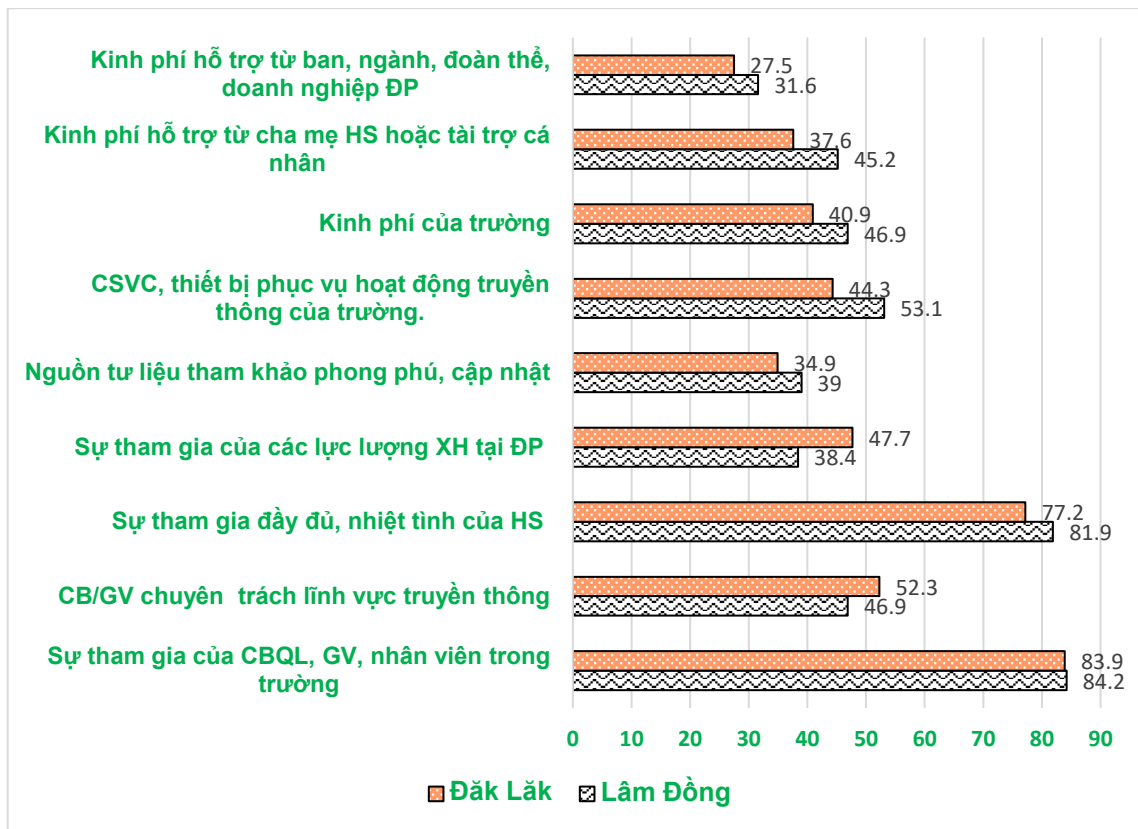


Biểu đồ: Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của các nhà trường

Theo ý kiến của CBQL và GV, hai nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của nhà trường có tỉ lệ trả lời cao nhất là “Sự tham gia của CBQL, GV, nhân viên trong nhà trường” (84%) và “Sự tham gia đầy đủ, nhiệt tình của HS” (79.8%). Các nguồn lực này chủ yếu là nguồn nhân lực với sự tham gia của các đối tượng chính trong trường là CBQL, GV, nhân viên và HS.

Đối với các nguồn tài lực, kinh phí chủ yếu đến từ nguồn kinh phí của trường (44.2%), kinh phí hỗ trợ từ cha mẹ HS hoặc tài trợ cá nhân (41.7%), còn kinh phí hỗ trợ từ ban ngành, đoàn thể, doanh nghiệp địa phương cũng khá khiêm tốn (29.8%).

b) Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của các nhà trường ở Đắk Lắk và Lâm Đồng



Biểu đồ: Các nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của nhà trường ở Đắk Lắk và Lâm Đồng

Theo kết quả khảo sát, hầu hết các yếu tố về nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của nhà trường ở Lâm Đồng thuận lợi hơn ở Đắk Lắk, từ kinh phí, CSVC, nguồn tư liệu tham khảo, sự tham gia của HS và CBQL, GV, nhân viên trong trường. Chỉ có 2 yếu tố tỉ lệ Đắk Lắk cao hơn, đó là có cán bộ/GV chuyên trách về lĩnh vực truyền thông và sự tham gia của các lực lượng xã hội tại địa phương.

- “Nhà trường đã có một số nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, đó là sự tham gia của CBQL, GV, nhân viên trong nhà trường; Sự tham gia đầy đủ, nhiệt tình của học sinh; một phần nguồn kinh phí của nhà trường trong kế hoạch công tác có dành cho hoạt động này trong năm”.

PVS CBQL, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk

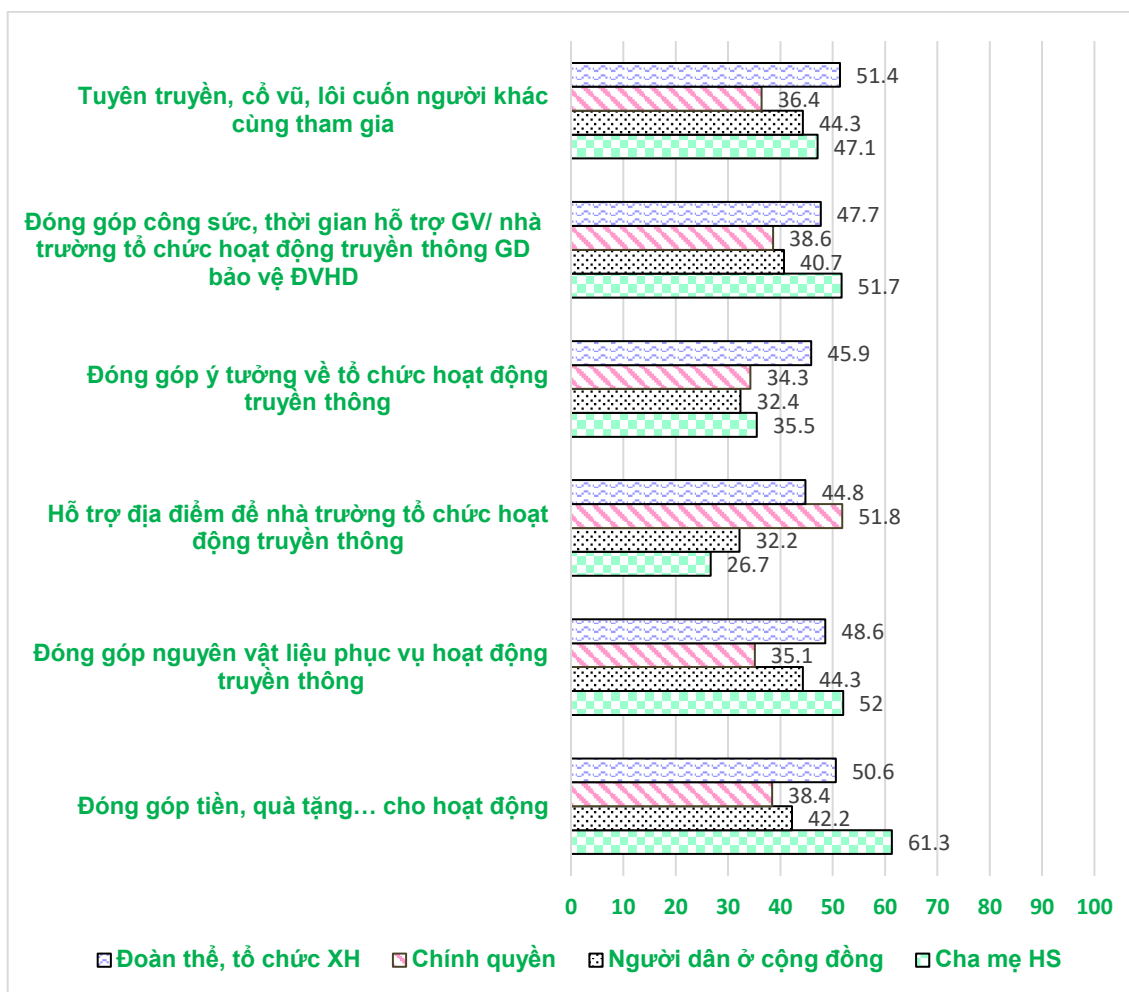
- “Nhà trường có trang thiết bị tốt, lớp nào cũng có máy chiếu”

Tọa đàm GV THCS, Lâm Đồng

4.3.2. Cách thức tham gia và đóng góp trong việc tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của các đối tượng

Nhóm nghiên cứu đã thiết kế câu hỏi dành cho CBQL và GV về cách thức tham gia và đóng góp trong việc tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của các đối

tượng trong cộng đồng với các nhóm đối tượng sau đây: Cha mẹ HS; người dân ở cộng đồng; chính quyền; đoàn thể, tổ chức xã hội. Kết quả thu được được thể hiện ở biểu đồ sau:

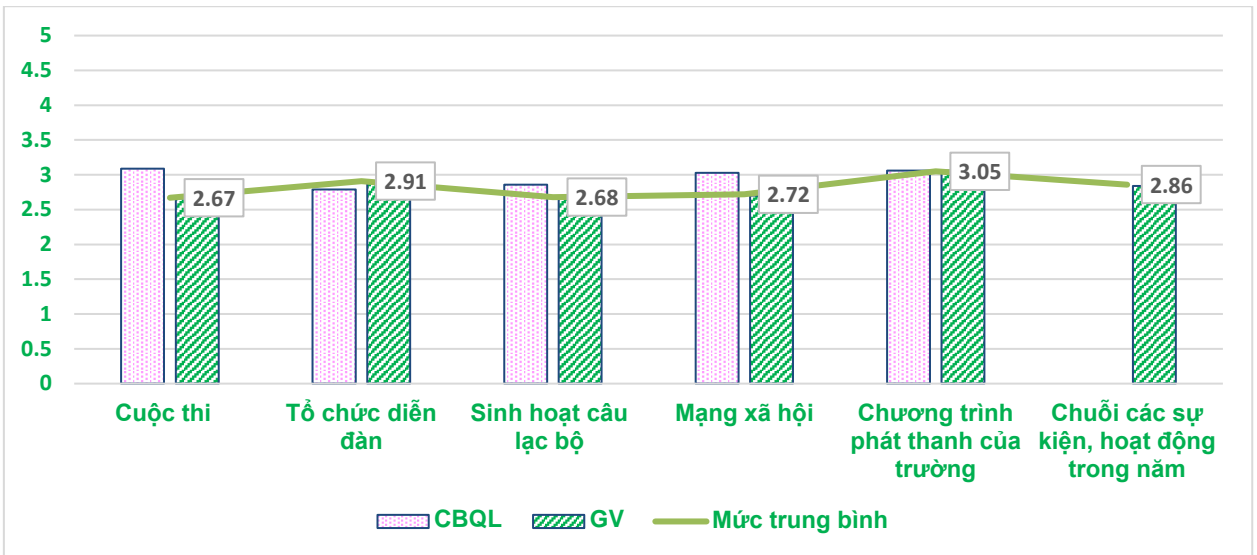


Biểu đồ: Cách thức tham gia và đóng góp trong việc tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của các đối tượng

Kết quả khảo sát cho thấy, đối với việc tuyên truyền, cổ vũ, lôi cuốn người khác cùng tham gia, các đoàn thể, tổ chức là nhóm tích cực nhất (51.4%); đối với việc đóng góp công sức, thời gian hỗ trợ GV/nhà trường tổ chức hoạt động truyền thông GD bảo vệ ĐVHD, cha mẹ HS là nhóm tích cực nhất (51.7%); đối với việc đóng góp ý tưởng về tổ chức hoạt động truyền thông, các đoàn thể tổ chức XH là nhóm tích cực nhất (45.9); đối với việc hỗ trợ địa điểm để nhà trường tổ chức hoạt động truyền thông, chính quyền là nhóm tích cực nhất (51.8%); đối với việc đóng góp nguyên vật liệu phục vụ hoạt động truyền thông, cha mẹ HS là nhóm tích cực nhất (52%); đối với việc đóng góp tiền, quà tặng... cho hoạt động, thì cha mẹ HS cũng là nhóm tích cực nhất (61.3%).

4.3.3. Mức độ tham gia của giáo viên, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

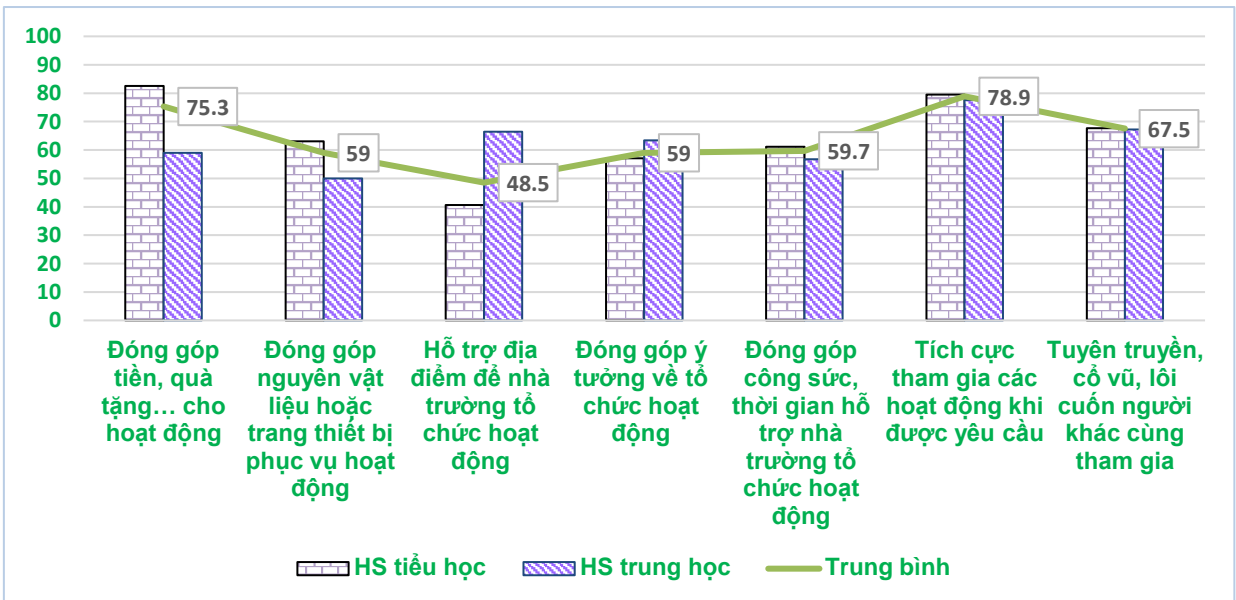
Theo ý kiến của CBQL và GV, mức độ tham gia của giáo viên, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD được thể hiện trong biểu đồ sau:



Biểu đồ: Ý kiến của CBQL và GV về mức độ tham gia của GV, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Theo ý kiến của CBQL và GV, mức độ tham gia của GV, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, truyền thông qua chương trình phát thanh của trường là có mức độ tích cực cao nhất (mức 3.05), mức độ tham gia ít tích cực nhất của GV, phụ huynh và cộng đồng là đối với hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ (mức 2.68) và tổ chức cuộc thi (mức 2.67).

4.3.4. Sự tham gia, đóng góp của cha mẹ trong các hoạt động truyền thông của nhà trường



Biểu đồ: Sự tham gia, đóng góp của cha mẹ HS trong các hoạt động truyền thông của nhà trường

Như vậy, theo kết quả khảo sát, đóng góp của cha mẹ HS trong các hoạt động truyền thông của nhà trường chủ yếu ở trong hai hoạt động là Tích cực tham gia các hoạt động khi được yêu cầu (78.9%) và Đóng góp tiền, quà tặng... cho hoạt động (75.3%).

Hoạt động ít được cha mẹ HS hỗ trợ nhất là Hỗ trợ địa điểm để nhà trường tổ chức hoạt động truyền thông (48.5%).

“Phụ huynh ủng hộ bằng cách đưa đón, phụ trách ăn uống, chõ xe, gia đình nào có xe là tình nguyện chõ các con luôn”.

Tọa đàm phụ huynh, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk.

“Nguồn kinh phí chủ yếu từ cha mẹ HS, mạnh thường quân (cũng chính là phụ huynh trong trường”.

Tọa đàm CBQL, Lâm Đồng

- *“Cha mẹ HS tham gia các cuộc phát động, hỗ trợ kinh phí, CSVC cho các hoạt động ngoài trường”.*

- *“Điều kiện tham gia thời gian, tài chính của phụ huynh còn khó khăn”.*

Tọa đàm phụ huynh, Lâm Đồng

5. Nhu cầu, mong đợi về hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của địa phương

5.1. Mong muốn của học sinh về việc tham gia các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Bảng: Mong muốn của HS về hoạt động GDBVĐVHD

TT	Mong muốn	Lâm Đồng		Đắk Lắk		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tham gia các hoạt động tìm hiểu về ĐVHD cho HS.	148	84.1	114	81.4	262	82.9
2	Học các chủ đề về ĐVHD.	55	77.5	56	74.7	111	76.0
3	Xem phim, kịch về ĐVHD.	58	81.7	61	81.3	119	81.5
4	Viết sách, báo, tạp chí, báo tường, vẽ tranh ảnh cổ động	23	32.4	53	70.7	76	52.1
5	Tham gia các diễn đàn về BV ĐVHD (tại trường)	82	46.6	73	52.1	155	49.1
6	Sắm vai thực hành cách nói chuyện với người thân hoặc bạn bè về bảo vệ ĐVHD	61	34.7	61	43.6	122	38.6
7	Tìm hiểu về các lợi ích của ĐVHD.	109	61.9	82	58.6	191	60.4

Kết quả tại bảng cho thấy, nhìn chung các học sinh tham gia khảo sát tại 2 địa bàn khu vực Tây Nguyên đều có mong muốn được tham gia tất cả các hoạt động GDBVĐVHD. Qua đó, có thể thấy đây là một điều kiện thuận lợi để các nhà trường, các tổ chức giáo dục BVĐVHD tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh nâng cao hiểu

biết, có kĩ năng tham gia các hoạt động này, khi mà chính bản thân các em luôn có thái độ sẵn sàng với vấn đề này.

Nghiên cứu sâu hơn, kết quả tại bảng 1 cho thấy, xếp ở thứ bậc 1 thì học sinh muốn được tham gia vào hoạt động về tìm hiểu động vật hoang dã, tiếp theo đó là xem phim, kịch để có hiểu biết về động vật hoang dã. Ở gần vị trí cuối cùng, có 49,1% số học sinh mong muốn “Tham gia các diễn đàn về BV ĐVHD (tại trường)”; và ở thứ bậc cuối cùng chỉ có 38,6% số học sinh có mong muốn được “Sắm vai thực hành cách nói chuyện với người thân hoặc bạn bè về bảo vệ ĐVHD”. Kết quả này cho thấy, về cơ bản số đông học sinh muốn được tìm hiểu về động vật hoang dã, điều này cho thấy có thể cho tới thời điểm tham gia khảo sát, nhiều học sinh vẫn chưa có hiểu biết gì về động vật hoang dã.

Kết quả tọa đàm phỏng vấn cũng có sự tương đồng về mong muốn của học sinh với kết quả phiếu trưng cầu ý kiến. Các học sinh tham gia tọa đàm, phỏng vấn đều có mong muốn được tìm hiểu động vật hoang dã thông qua các hoạt động dã ngoại, ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm đi thăm các khu rừng, những nơi có động vật hoang dã (HS Trường THPT Nguyễn Công Trứ; HS THPT Nguyễn Bình Khiêm, huyện Krông Pắc, Đak Lăk; Trường THCS thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đak Lăk; Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, huyện Krông Pắc, Đak Lăk; Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm Lâm Đồng; Trường THCS Nguyễn Du Lâm Đồng). Ngoài ra, một số học sinh cũng mong muốn cụ thể hơn: Em muốn có hoạt động vẽ tranh, có giải thưởng nhất nhì ba cho các bạn trong trường; Em muốn trường tổ chức cuộc thi tạo các video về BV ĐVHD, như thế chúng em vừa được tự do sáng tạo, vừa được tìm hiểu nhiều thông tin (HS Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm, huyện Krông Pắc, Đak Lăk). Em thích trường tổ chức hoạt động dã ngoại; Em thích trường tổ chức thi làm báo tường, vẽ tranh; Em thích tham gia CLB (HS Trường THPT Nguyễn Công Trứ).

5.2. Mong muốn của GV và CBQLGD và phụ huynh học sinh về các điều kiện đảm bảo hiệu quả cho việc tổ chức hoạt động GDBVĐVHD

Bảng : Mong muốn của GV và CBQLGD về các điều kiện đảm bảo hiệu quả cho việc tổ chức hoạt động GDBVĐVHD

TT	Mong muốn	Lâm Đồng		Đak Lăk		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD.	138	79.8	128	78.0	266	78.9
2	Hỗ trợ đồ dùng, thiết bị để thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD.	128	74.0	126	76.8	254	75.4
3	Được bồi dưỡng về cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD.	110	63.6	128	78.0	238	70.6
4	Hỗ trợ kinh phí cho giáo viên để tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD.	136	78.6	117	71.3	253	75.1
5	Hướng dẫn cách thức đánh giá học sinh về giáo dục bảo vệ ĐVHD.	62	35.8	84	51.2	146	43.3

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, nhìn chung CBQLGD và GV đều có mong muốn được hỗ trợ về tài liệu giáo dục, các phương tiện, đồ dùng thiết bị có liên quan và phù hợp với hoạt động giáo dục này. Bên cạnh đó, họ cũng mong muốn được tham gia các khóa bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn cách đánh giá kết quả của hoạt động này trong hoạt động giáo dục nhà trường nhằm đạt mục tiêu giáo dục phẩm chất, năng lực học sinh một cách toàn diện.

Xem xét sâu hơn, kết quả cho thấy, mong muốn xếp ở vị trí số 1 là về “tài liệu giáo dục BVĐVHD”; xếp ở vị trí thứ 2 là “Hỗ trợ đồ dùng, thiết bị để thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD”. Xếp ở vị trí cuối cùng với 43,3% ý kiến mong muốn được “Hướng dẫn cách thức đánh giá học sinh về giáo dục bảo vệ ĐVHD”.

Kết quả tọa đàm phỏng vấn cũng cho thấy: Nhiều trường học mong muốn có kinh phí tổ chức, có hướng dẫn chi tiêu nguồn kinh phí (Phòng GD&ĐT Krông Pắc, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk). Bên cạnh đó, các nhà trường và GV cũng mong muốn Xây dựng các chương trình truyền thông về tác hại của việc săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức. Ngoài ra nội dung, hình thức tuyên truyền cần phong phú, sinh động...để thu hút học sinh. Bảo vệ động vật hoang dã chính là bảo vệ đa dạng sinh học và bảo vệ trái đất - ngôi nhà chung của muôn loài. Vì vậy, cần sự tham gia và chung tay của cộng đồng, chia sẻ và lan tỏa thông điệp kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã đến nhiều người để góp phần bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học. Chung tay bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ thiên nhiên cũng chính là bảo vệ cuộc sống của mỗi chúng ta... (Trường THPT Nguyễn Công Trứ).

Các cán bộ quản lý cấp phòng và Sở GD mong muốn có sự lồng ghép vào các môn học: sinh học, xây dựng chuyên đề, tổ chức chương trình giáo dục địa phương; không ưu tiên cho việc xây dựng một chương trình độc lập. Nội dung bảo vệ động vật hoang dã: cần có các chủ trương; và các văn bản cần được đưa chính thống vào các văn bản chỉ đạo; với GV muốn làm cần có các kiến thức sát với điều kiện của Địa phương (vd: Vườn Quốc gia Cát Tiên, Biduop trong rừng cần bảo vệ động vật nào; cần có tài liệu liên thông cho các cấp học). Ngoài ra, làm việc với CBQLGD tại phòng GD TP Đà Lạt, có ý kiến đề nghị cần có sự phối hợp của các sở ban ngành.

Nhà trường mong muốn được hỗ trợ để việc giáo dục bảo vệ ĐVHD hiệu quả hơn bao gồm: Tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD; Được bồi dưỡng về cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD. Ngoài ra, cần hơn nữa sự chung tay của cha mẹ học sinh trong việc đồng hành cùng giáo viên, nhà trường giáo dục ý thức trách nhiệm với động vật hoang dã cũng như tham gia các hoạt động hỗ trợ các em học sinh. Thêm một vấn đề nữa là mong muốn có sự tham gia tích cực của cộng đồng trong các hoạt động trải nghiệm của học sinh (Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk).

Trường THCS thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mong muốn tài liệu phải phù hợp với lứa tuổi, đặc biệt là tiểu học, cụ thể với lứa tuổi (Ví dụ với học sinh tiểu học phù hợp nhất là thông qua Videoclip); thông qua đó giáo dục nhận thức để biết được và làm rõ cách thức tích hợp vào chương trình giáo dục; các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo. Mong muốn được cấp trên quan tâm nhiều hơn, được hỗ trợ nhiều về kinh phí, con người để tổ chức nhiều hơn các hoạt động. Mong muốn có những buổi tâm sự, chia sẻ với học sinh từ những người có chuyên môn. Trước đây, nhân ngày Quân đội nhân dân VN, trường cũng mời các bác về kể chuyện, HS rất thích. Họ cho rằng, hiện tại, ĐVHD thì ít, HS không được quan sát trong thực tế, ở Đak Lak chỉ có voi. Cho nên có thể giáo dục BV ĐVHD cho các con thông qua các hoạt động Đoàn, Đội, tổ chức sinh hoạt dưới cờ, vệ sinh lớp học, trường học.

Phụ huynh học sinh Trường THCS Ea Yông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mong muốn: Cần có hình thức tuyên truyền pano áp phích để các con hiểu được tại sao phải bảo vệ ĐVHD, tại sao phải đa dạng sinh học, bảo vệ ĐVHD để làm gì. Dem lại lợi ích gì: lợi ích trước mắt là gì, lợi ích lâu dài là gì. Khi các cháu hiểu biết rồi thì đi ra vườn, nương rẫy thì biết được lợi ích của các con vật xung quanh mình. Cần tuyên truyền, vận động cho các con hiểu biết hơn. Hoạt động ngoại khóa cũng nên được tổ chức. Chính quyền địa phương: nếu có kinh phí, tổ chức nên có chuyến đi thực tế để các cháu có thể biết được các ĐVHD quý hiếm để các cháu hiểu được. Với ban phụ huynh: Cùng với nhà trường sẽ thực hiện các nội dung liên quan đi kèm, chương trình dã ngoại, tập huấn. Đề xuất nhà trường về vấn đề BV ĐVHD cần có tài liệu riêng để giảng dạy cho các con, để các con hiểu được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc BVĐVHD. Việc giáo dục, tuyên truyền có thể thực hiện theo cách cho học sinh dựng hoạt cảnh, xây dựng nhân vật trong hoạt cảnh là các loài ĐVHD, học sinh đóng vai các con ĐVHD. Thay vì đi dã ngoại, không có điều kiện, sức khỏe, kinh phí thì các con có thể tham gia tại trường thông qua các hình thức khác, không nhất thiết phải đi dã ngoại. Về kinh phí: ban đại diện cha mẹ học sinh vẫn được sử dụng kinh phí XHH liên quan đến tổ chức hoạt động của nhà trường.

CBQL và GV Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk mong muốn: Để giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh, nên cung cấp cho HS: Kiến thức cơ bản về ĐVHD và bảo tồn ĐVHD nói chung và Tây Nguyên nói riêng; Những việc cần làm để bảo vệ ĐVHD nói chung và ĐVHD khu vực Tây Nguyên; Hành vi và ứng xử đúng đắn trong việc bảo vệ ĐVHD.

Phụ huynh học sinh của trường mong muốn được cấp trên quan tâm nhiều hơn, được hỗ trợ nhiều về kinh phí, con người để tổ chức nhiều hơn các hoạt động. Mong muốn có những buổi tâm sự, chia sẻ với học sinh từ những người có chuyên môn. (Ví dụ trước đây nhân ngày Quân đội nhân dân VN, trường cũng mời các bác về kể chuyện,

HS rất thích). Mong muốn trường tổ chức các Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động sinh hoạt dưới cờ.

Trường Tiểu học Chu Văn An, huyện Krông Pắc, Đak Lăk mong muốn được hỗ trợ để việc giáo dục bảo vệ ĐVHD hiệu quả hơn trong nhà trường bao gồm: Tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD; Được bồi dưỡng về cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD.

Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm (TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) mong muốn tổ chức cho HS tham quan, thực địa 1 lần/năm để tìm hiểu về thế giới động vật, trong đó có ĐVHD. Đoàn thanh niên hỗ trợ trong công tác hoạt náo viên, tổ chức; Giới thiệu tên các loài bằng song ngữ hay Bộ phim tài liệu về ĐVHD, chuyên gia về nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề về ĐVHD. *Bên cạnh đó*, có chương trình cụ thể, tài liệu liên quan trực tiếp để GV sử dụng giảng dạy, HS tham khảo (ví dụ truyện tranh, sổ tay,...) và tập huấn cho GV về cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD.

Bên cạnh đó, ý kiến của phụ huynh học sinh trong trường cũng mong muốn: Giới thiệu, làm rõ ĐVHD là gì? GD vào nhà trường phải có lộ trình và từng bước với mục đích giảm quá tải cho HS; Làm rõ trách nhiệm và quyền lợi của từng đối tượng; Xây dựng được lòng yêu thương động vật cho các con; Đẩy mạnh tuyên truyền, Soạn thảo văn bản ngắn gọn đưa lên các website (khẩu hiệu), làm tờ rơi,...; phối hợp với các chuyên gia, tổ chức ngoài nhà trường tổ chức tọa đàm, nói chuyện với HS về ĐVHD; Trải nghiệm thực tế. Lâm Đồng có tình trạng phá rừng nhiều, các quán nhậu tràn lan... nên chính quyền cần có quy định và biện pháp mạnh hơn nữa; các giải pháp phải đồng bộ; Xây dựng các khu bảo tồn riêng biệt, chỉ là nơi bảo vệ các loài ĐVHD; Bộ, Sở ngành có hỗ trợ kinh phí cho HS.